



BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1473 /QĐ-YDHP ngày 08 tháng 08 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Hải Phòng, tháng 9 năm 2023

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1473 /QĐ-YDHP ngày 08 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Hải Phòng, tháng 9 năm 2023

Hải Phòng, ngày 08 tháng 8 năm 2023

Số: 1473/QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT – BGDDT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 18/2021/TT – BGDDT ngày 28/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ - YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-YDHP ngày 09/6/2023 về việc thành lập Hội đồng rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học trình độ tiến sĩ các ngành năm học 2023 -2024 của Trường Đại học Y Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Y, Khoa Y tế công cộng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành:

STT	Ngành	Mã số
1	Nội khoa	9720107
2	Ngoại khoa	9720104
3	Nhi Khoa	9720106
4	Y tế công cộng	9720701

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa: Y, Y tế công cộng và các Khoa/Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (dề b/c);
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Hải

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lí giáo dục của Trường.....	3
2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)	3
III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NHI KHOA 6	
1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLOs).....	6
2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo.....	7
3. Sự phù hợp với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực ngành	10
4. Phù hợp giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia bậc 7	11
IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO	15
1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	15
2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	15
V. TUYỂN SINH	15
VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	15
1. Tiến trình đào tạo.....	15
2. Điều kiện tốt nghiệp.....	16
VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	17
1. Khối lượng kiến thức toàn khóa	17
2. Khung chương trình đào tạo	17
3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT	19
4. Mô tả các học phần	20
VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC.....	21
IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ	21
X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	22
XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	22

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo	Tiến sĩ chuyên ngành Nhi khoa
Trình độ đào tạo	Tiến sĩ
Khối ngành	Y học
Ngành đào tạo	Nhi khoa
Mã ngành	9720106
Hệ đào tạo	Sau đại học
Hình thức đào tạo	Tập trung
Thời gian đào tạo	36 - 48 tháng
Tên văn bằng tốt nghiệp	Bằng Tiến sĩ Y học, chuyên ngành Nhi khoa (Doctor of Medicine degree, Major: Pediatrics)
Đơn vị đào tạo/cấp bằng	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng	Nghiên cứu sinh
Thời gian áp dụng	Năm học 2023 – 2024

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục của Trường

Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ngày 02/02/2021 về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải Phòng:

- **Sứ mạng:** “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo”.
- **Tầm nhìn:** “Phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín, định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế”.
- **Giá trị cốt lõi:** “Chuyên nghiệp – Hội nhập – Hiệu quả”
- **Triết lý giáo dục:** “Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khỏe cộng đồng”

2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo Tiến sĩ Nhi khoa có năng lực giải quyết được các bệnh lý chuyên khoa sâu thuộc chuyên ngành Nhi khoa; có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn; ứng dụng và triển khai các kỹ thuật mới trong công tác chẩn đoán và điều trị chuyên ngành Nhi khoa. Đồng thời có năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực sáng tạo, có khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia và có khả năng giảng dạy chuyên sâu về chuyên ngành Nhi khoa tại các Trường Đại Học, Trung tâm, Viện nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Nghiên cứu sinh chuyên ngành Nhi khoa được kỳ vọng có năng lực:

PO1 - Thực hiện được công tác chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhi với các vấn đề sức khỏe từ cơ bản đến chuyên sâu một cách toàn diện, an toàn, tiết kiệm chi phí.

PO2 - Tích lũy được trình độ chuyên môn vững và sâu về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực nhi khoa, đặc biệt trong chuyên ngành liên quan đến đề tài nghiên cứu. Ứng dụng được các kỹ thuật hiện đại nhằm góp phần tích cực trong chẩn đoán, điều trị chuyên sâu các bệnh lý về lĩnh vực nhi khoa thuộc đề tài nghiên cứu.

PO3 - Độc lập nghiên cứu khoa học và hướng dẫn nghiên cứu khoa học; phát hiện và giải quyết được những vấn đề về khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn Nhi khoa.

PO4 - Có kỹ năng giao tiếp nhằm trao đổi thông tin một cách hiệu quả với các cộng sự chuyên môn trong nước và quốc tế, có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn.

PO5 - Tích cực tham gia vào việc tác động đến hệ thống chăm sóc sức khỏe, chính sách y tế, có khả năng tham mưu cho các cơ quan chức năng trong việc hoạch định chiến lược trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

PO6 - Có kỹ năng giảng dạy, phổ biến tri thức; có khả năng giảng dạy chuyên sâu về chuyên ngành Nhi khoa tại các Trường Đại Học, Trung tâm, Viện nghiên cứu.

PO7 - Có động cơ học tập và làm việc đúng đắn, nhận thức được việc cập nhật kiến thức là quan trọng và liên tục, thích ứng tốt về chuyên môn với nhu cầu thực tiễn của xã hội. Chủ động nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, ý tưởng, mô hình, quy trình mới trong lĩnh vực Nhi khoa.

PO8 - Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng theo luật pháp, trung thực và khách quan.

2.3. Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT (PO) với Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục của Trường đại học Y Dược Hải Phòng

PO	Sứ mạng	Tâm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
PO1	x	x	x	x
PO2	x	x	x	x
PO3	x	x	x	x
PO4	x	x	x	x
PO5	x	x	x	x
PO6	x	x	x	x
PO7	x	x	x	x
PO8	x	x	x	x

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ NHI KHOA

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLOs)

Sau khi kết thúc thành công chương trình đào tạo trong 03-04 năm, nghiên cứu sinh có khả năng:

PLO1: Áp dụng sáng tạo các kiến thức tiên tiến, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật về khoa học, kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý chuyên sâu, phức tạp trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Nhi khoa.

PLO2: Vận dụng các phương pháp luận nghiên cứu khoa học, thực hành độc lập, sáng tạo, hiệu quả các bước xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức triển khai, thu thập và phân tích số liệu, báo cáo một đề tài nghiên cứu khoa học mới trong lĩnh vực Nhi khoa, đặc biệt các bệnh lý chuyên sâu, phức tạp trong lĩnh vực nghiên cứu.

PLO3: Có các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước đáp ứng Quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

PLO4: Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học; thực hiện được truyền thông phổ biến kết quả nghiên cứu đến các nhà chuyên môn, nhà khoa học, cộng đồng trong nước và quốc tế.

PLO5: Có khả năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra phương pháp để giải quyết vấn đề, sáng tạo hay cải tiến các kỹ thuật trong chuyên ngành Nhi khoa thuộc lĩnh vực nghiên cứu.

PLO6: Có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

PLO7: Áp dụng thành thạo các nguyên lý giáo dục hiện đại, cập nhật trong hoạt động giảng dạy các vấn đề Nhi khoa.

PLO8: Có năng lực thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt đồng nghiệp thực hiện các hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Nhi khoa.

PLO9: Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học một cách độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật để nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

PLO10: Chủ động nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, ý tưởng, mô hình, quy trình mới trong lĩnh vực nghiên cứu nói riêng và lĩnh vực Nhi khoa nói chung.

PLO11: Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, tôn trọng pháp luật, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.

2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo

PLO	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
PLO1	Áp dụng sáng tạo các kiến thức tiên tiến, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật về khoa học, kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý chuyên sâu, phức tạp trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Nhi khoa.	X	X						
PLO2	Vận dụng các phương pháp luận nghiên cứu khoa học, thực hành độc lập, sáng tạo, hiệu quả các bước xây dựng đề cương nghiên cứu, tổ chức triển khai, thu thập và phân tích số liệu, báo cáo một đề tài nghiên cứu khoa học mới trong lĩnh vực Nhi khoa, đặc biệt các bệnh lý chuyên sâu, phức tạp trong lĩnh vực nghiên cứu.			X					
PLO3	Có các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa			X	X				

	học uy tín trong và ngoài nước đáp ứng Quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.							
PLO4	Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học; thực hiện được truyền thông phổ biến kết quả nghiên cứu đến các nhà chuyên môn, nhà khoa học, cộng đồng trong nước và quốc tế.		X	X	X			
PLO5	Có khả năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra phương pháp để giải quyết vấn đề, sáng tạo hay cải tiến các kỹ thuật trong chuyên ngành Nhi khoa thuộc lĩnh vực nghiên cứu.				X		X	
PLO6	Có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể.		X	X	X			
PLO7	Áp dụng thành thạo các nguyên lý giáo dục hiện đại, cập nhật trong hoạt động giảng dạy các vấn đề Nhi khoa.					X		
PLO8	Có năng lực thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt đồng nghiệp thực hiện các hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học		X			X	X	

	trong lĩnh vực Nhi khoa.								
PLO9	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học một cách độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật để nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.				X			X	
PLO10	Chủ động nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, ý tưởng, mô hình, quy trình mới trong lĩnh vực nghiên cứu nói riêng và lĩnh vực Nhi khoa nói chung.			X		X		X	
PLO11	Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người cán bộ y tế và nghiên cứu viên, tôn trọng pháp luật, chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động chuyên môn do bản thân thực hiện.								X

3. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra CTĐT với chuẩn năng lực ngành

Chuẩn năng lực ngành (Phụ lục: Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ - Số: 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015)

“Mục 1. CHỨC DANH BÁC SĨ

Điều 4. Bác sĩ cao cấp (hạng I) - Mã số: V.08.01.01

1. Nhiệm vụ:

a) Khám bệnh, chữa bệnh:

Chủ trì tổ chức, thực hiện khám bệnh, chữa bệnh;

Chủ trì tổ chức xử trí cấp cứu, cấp cứu thuộc chuyên khoa, trường hợp do tuyến dưới chuyển đến;

Chủ trì hội chẩn chuyên môn thuộc lĩnh vực được giao;

Chủ trì giám sát, kiểm tra, đánh giá, cải tiến chất lượng khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi chuyên môn được giao;

Xây dựng hệ thống phát hiện và báo cáo sai sót chuyên môn kỹ thuật trong phạm vi chuyên môn được giao;

b) Thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe:

Chủ trì lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe dựa vào mục tiêu và nhu cầu thực tế;

Biên soạn, chủ trì tổ chức biên soạn nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe.

c) Chủ trì thực hiện tư vấn cho người bệnh hoặc gia đình người bệnh lựa chọn dịch vụ y tế phù hợp;

đ) Chủ trì tổ chức giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần thuộc chuyên khoa hoặc lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì tổ chức thực hiện công tác chỉ đạo tuyển về chuyên môn kỹ thuật, triển khai phòng chống dịch và các bệnh xã hội khi được giao;

d) Chịu trách nhiệm quản lý và hướng dẫn sử dụng thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán, can thiệp điều trị, cấp cứu trong phạm vi chuyên môn được giao;

g) Đào tạo và nghiên cứu khoa học về y học:

Chủ trì biên soạn tài liệu chuyên môn; xây dựng quy chế, quy trình kỹ thuật chuyên môn thuộc lĩnh vực được giao;

Tổ chức hoặc trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng và chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với viên chức chuyên môn thuộc phạm vi được giao và học viên, sinh viên;

Tham gia hướng dẫn, đào tạo sau đại học hoặc nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật khi có yêu cầu;

Chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học;

Nghiên cứu đề xuất hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân của ngành, địa phương.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc tiến sĩ y học (trừ chuyên ngành y học dự phòng);

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng bác sĩ cao cấp (hạng I).

3. Tiêu chuẩn năng lực, chuyên môn nghiệp vụ:

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nắm được định hướng phát triển chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành trong nước và quốc tế;

b) Có kiến thức và năng lực áp dụng phương pháp tiên tiến, kỹ thuật cao trong chẩn

đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh thuộc lĩnh vực chuyên khoa;

c) Có năng lực đánh giá các quy trình, kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn và đề xuất giải pháp; đánh giá kết quả biện pháp can thiệp dựa vào bằng chứng;

d) Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp hoặc tham gia xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực;

đ) Chủ nhiệm hoặc thư ký hoặc người tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ hoặc tương đương trở lên hoặc chủ nhiệm 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc sáng chế hoặc phát minh khoa học chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt;

e) Viên chức thăng hạng từ chức danh bác sĩ chính (hạng II) lên chức danh bác sĩ cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm, trong đó có thời gian gần nhất giữ chức danh bác sĩ chính (hạng II) tối thiểu là 02 năm.”

**4. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia bậc 8
Khung trình độ quốc gia bậc 8 (theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam
ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016)**

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<ul style="list-style-type: none"> - KT1: Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học; - KT2: Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. - KT3: Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới. - KT4: Kiến 	<ul style="list-style-type: none"> - KN1: Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. - KN2: Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn. - KN3: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - KN4: Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển. - KN5: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - TCTN1: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới. - TCTN2: Đưa các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau. - TCTN3: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. - TCTN4: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia. - TCTN5: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp,

thức về quản trị tổ chức	kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.
--------------------------	--

PLO	Kiến thức				Kỹ năng					Mức độ tự chủ trách nhiệm				
	K T1	K T2	K T3	K T4	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	TC TN 1	TC TN 2	TC TN 3	TC TN 4	TC TN 5
PLO1	X	X			X	X								
PLO2			X		X		X		X					X
PLO3			X		X		X		X					X
PLO4			X		X		X	X	X				X	X
PLO5			X		X		X	X		X	X		X	X
PLO6				X		X		X				X	X	
PLO7					X							X		
PLO8	X	X	X		X	X						X		X
PLO9					X	X	X		X					X
PLO10			X		X		X			X	X			X
PLO11				X				X						X

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ Nhi khoa, học viên có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại:

- Tại các cơ sở khám chữa bệnh: Tiến sĩ Nhi khoa (sau khi có Chứng chỉ hành nghề) có thể đảm nhiệm công việc của bác sĩ điều trị, tham gia công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn tại các cơ sở y tế công lập và dân lập; trực tiếp tham gia khám chữa bệnh tại các phòng khám, các trung tâm y tế, các bệnh viện từ tuyến huyện đến tuyến trung ương.
- Các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành Khoa học sức khỏe như các trường Đại học, Cao Đẳng với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên.
- Các Viện nghiên cứu chuyên ngành, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn

với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế.

- Các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế liên quan tới sức khỏe, y tế.

2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ Nhi khoa, học viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Hệ thực hành: Bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa (nếu học viên là bác sĩ đa khoa, thạc sĩ, bác sĩ nội trú).
- Hệ nghiên cứu: Nghiên cứu Sau Tiến sĩ những hướng mới và chuyên sâu trong chuyên ngành Nhi khoa.

V. TUYỂN SINH

Sinh viên đã tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa hệ chính quy loại Giỏi trở lên hoặc người đã có bằng tốt nghiệp Thạc sĩ hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (Bác sĩ nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp II) ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành Nhi khoa và đáp ứng các tiêu chí tuyển sinh hàng năm của Nhà trường dựa trên quy chế tuyển sinh Tiến sĩ chuyên ngành Nhi khoa.

VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Tiến trình đào tạo:

- Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ nhi khoa, học viên sẽ học các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ Thạc sĩ nhi khoa trong 12 tháng.
- Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng Thạc sĩ nhi khoa và các nghiên cứu sinh đầu vào Bác sĩ đa khoa sau khi đã hoàn thành các học phần bổ sung, sẽ học các học phần chuyên ngành tiến sĩ, học phần chuyên đề và làm luận án với tổng thời gian đào tạo là 36 tháng, được chia 6 học kỳ:
 - Học kỳ 1: Học viên hoàn thiện các học phần chuyên ngành Tiến sĩ.
 - Học kỳ 2-6: Học viên triển khai các hoạt động nghiên cứu trong đề tài luận án, bao gồm: các chuyên đề và chuyên đề tổng quan của luận án, thu thập số liệu, xử lý và báo cáo luận án các cấp, công bố kết quả chính của luận án trên các tạp chí trong nước hoặc quốc tế theo quy định, hoàn chỉnh luận án nộp về nhà trường và thư viện quốc gia.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng Tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

- Đã hoàn thành 100% khối lượng kiến thức; điểm học phần $\geq 5,5$ điểm.

- Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án của trường đồng ý thông qua.
- Nghiên cứu sinh đã nộp luận án hoàn chỉnh cho trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- Nghiên cứu sinh không chịu các hình thức kỷ luật của Nhà trường.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số khối lượng kiến thức của CTĐT: 90-120 TC

Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tổng	Tỷ lệ (%)
	LT	TH	LS		
Các học phần bổ sung (nếu có)	15	4	11	30	0%/25%
Học phần chuyên ngành Tiến sĩ	2	0	2	4	4%/3%
Học phần chuyên đề	0	12	0	12	13%/10%
Luận án	0	74	0	74	83%/62%
Tổng cộng	2/17	86/90	2/13	90/120	Phụ thuộc vào không có/có 30 TC học phần bổ sung

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số	Học phần – môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ - tiết học			Phương pháp lượng giá	
					LT	TH	LS	LT	TH/LS
A. Các học phần bổ sung (nếu có)			30 TC	840					
Phân kiến thức chung, cơ sở			10 TC	210					
1		Triết học	03	45	3/45	0	0	Tự luận	
2		Phương pháp nghiên cứu khoa học	02	45	1/15	1/30	0	MCQ	Viết đề cương
3		Thống kê y sinh	03	75	1/15	2/60	0	MCQ	Thi thực hành trên máy tính
4		Phương pháp giảng dạy	02	45	1/15	1/30	0	MCQ	Thi thực hành đóng vai
Phân kiến thức hỗ trợ và chuyên ngành			14 TC	420					
5		Sinh lý học nâng cao	02	30	2/30	0	0	MCQ	

STT	Mã số	Học phần – môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ tín chỉ – tiết học			Phương pháp lượng giá	
					LT	TH	LS	LT	TH/LS
6		Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu	02	60	1/15	0	1/45	MCQ	OSLER
7		Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa - Di truyền	03	105	1/15	0	2/90	MCQ	OSLER
8		Tiêu hóa - Dinh dưỡng	02	60	1/15	0	1/45	MCQ	OSLER
9		Hô hấp - Tim mạch	02	60	1/15	0	1/45	MCQ	OSLER
10		Thần kinh - Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội – Điều trị học	03	105	1/15	0	2/90	MCQ	OSLER
Phần tự chọn (chọn 2 trong 3 học phần)					6 TC				
11		Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa	03	105	1/15	0	2/90	MCQ	OSLER
12		Tai nạn thương tích - Phục hồi chức năng ở trẻ em	03	105	1/15	0	2/90	MCQ	OSLER
13		Ngoại nhi	03	105	1/15	0	2/90	MCQ	OSLER
B. Học phần chuyên ngành Tiến sĩ					4 TC				
Học phần bắt buộc					2 TC				
1		Hồi sức cấp cứu nhi khoa nâng cao	02	60	1/15	0	1/45	Báo cáo chuyên đề	OSLER
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)					2 TC				
2		Bệnh lý miễn dịch ở trẻ em	02	60	1/15	0	1/45	Báo cáo chuyên đề	OSLER
3		Chu sinh học	02	60	1/15	0	1/45	Báo cáo chuyên đề	OSLER
C. Học phần chuyên đề					12 TC				
1		Chuyên đề tiến sĩ 1	03	90	0	3/90	0		Báo cáo chuyên đề
2		Chuyên đề tiến sĩ 2	03	90	0	3/90	0		Báo cáo chuyên đề

STT	Mã số	Học phần – môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ - tiết học			Phương pháp lượng giá	
					LT	TH	LS	LT	TH/LS
3		Chuyên đề tiến sĩ 3	03	90	0	3/90	0		Báo cáo chuyên đề
4		Tiểu luận tổng quan	03	90	0	3/90	0		Báo cáo chuyên đề
		D. Luận án	74 TC						Bảo vệ luận án
		Tổng số	90/120 TC						

Ghi chú:

- + Đối với nghiên cứu sinh đầu vào bác sĩ y khoa học các học phần bổ sung trong 1 năm đầu.
- + Đối với các nghiên cứu sinh đã có bằng Thạc sĩ/Bác sĩ nội trú/Bác sĩ chuyên khoa II học ngay các môn học của trình độ đào tạo Tiến sĩ sau khi có quyết định trúng tuyển nghiên cứu sinh.

3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
Triết học					X	X		X	X	X	X
Phương pháp nghiên cứu khoa học		X	X	X	X	X		X	X	X	X
Thống kê y sinh		X	X	X	X			X	X	X	X
Phương pháp giảng dạy				X	X	X	X	X			
Sinh lý học nâng cao	X										
Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu	X										
Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền	X										
Tiêu hóa – Dinh dưỡng	X										
Hô hấp – Tim mạch	X										
Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội – Điều trị học	X										
Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa	X										
Tai nạn thương tích – Phục hồi chức năng ở trẻ em	X										
Ngoại nhi	X										
Hồi sức cấp cứu nhi khoa nâng cao	X										
Bệnh lý miễn dịch ở trẻ em	X										
Chu sinh học	X										
Chuyên đề tiến sĩ 1		X	X					X	X		
Chuyên đề tiến sĩ 2		X	X					X	X		
Chuyên đề tiến sĩ 3		X	X					X	X		
Tiểu luận tổng quan		X	X			X		X	X		
Luận án		X	X	X	X	X		X	X	X	X

4. Mô tả các học phần

STT	A. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG
Phần kiến thức chung, cơ sở	
1	<p>Triết học: Cung cấp tri thức khái lược về lịch sử Triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng nhiều đến đời sống của dân tộc Việt Nam và các chuyên đề nhằm góp phần củng cố và phát triển ở người học một thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học.</p>
2	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học: Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học; giúp học viên hình thành năng lực tiến hành một nghiên cứu khoa học: xây dựng đề cương, triển khai thu thập và phân tích số liệu nghiên cứu, viết và trình bày bài nghiên cứu khoa học.</p>
3	<p>Thống kê y sinh: Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản để ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực; giúp học viên hình thành kỹ năng phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.</p>
4	<p>Phương pháp giảng dạy: Cung cấp cho học viên những lý luận nền tảng của dạy học y khoa dựa trên năng lực; giúp học viên hình thành kỹ năng dạy học, bao gồm xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình/bài học, xây dựng chiến lược và công cụ lượng giá, xây dựng nội dung và kế hoạch bài học, tổ chức việc dạy học.</p>
Phần kiến thức hỗ trợ và chuyên ngành	
5	<p>Sinh lý học nâng cao: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về sinh lý học nhi khoa, bổ sung nền tảng kiến thức giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh trong thực hành nhi khoa.</p>

6	Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và cập nhật về hồi sức cấp cứu và sơ sinh, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân nặng, cần hồi sức cấp cứu.
7	Thận – Huyết học - Nội tiết - Chuyển hoá – Di truyền: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh học thận, bệnh về máu, bệnh nội tiết – chuyển hóa và di truyền ở trẻ em, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh huyết học - thận - tiết niệu – nội tiết.
8	Tiêu hóa – Dinh dưỡng: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh tiêu hóa và dinh dưỡng; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em.
9	Hô hấp – Tim mạch: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh hô hấp và tim mạch; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh hô hấp và tim mạch ở trẻ em.
10	Thần kinh - Tâm bệnh - Nhi khoa xã hội - Điều trị học: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về thần kinh, tâm bệnh và bệnh lý nhi khoa xã hội, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân mắc các bệnh lý nói trên.
Phần tự chọn (chọn 2 trong 3 học phần)	
11	Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về chẩn đoán hình ảnh nhi khoa; giúp học viên xây dựng kỹ năng phân tích thành thạo các kết quả chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh ở trẻ em.

12	Tai nạn thương tích – phục hồi chức năng ở trẻ em: Cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản, cần thiết để ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị các cấp cứu, bệnh lý cơ xương khớp, thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản trong phẫu thuật chấn thương do tai nạn thương tích và phục hồi chức năng ở trẻ em.
13	Ngoại Nhi: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về các dị tật bẩm sinh và khối u vùng bụng ở trẻ em, về một số cấp cứu ngoại khoa ở trẻ em.
B. HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ	
Học phần bắt buộc	
1	Hồi sức cấp cứu nhi khoa nâng cao: Cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao và cập nhật về hồi sức cấp cứu nhi khoa, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân rất nặng, cần hồi sức cấp cứu tích cực.
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)	
2	Bệnh lý miễn dịch ở trẻ em: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh lý miễn dịch ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh nhân mắc bệnh lý miễn dịch ở trẻ em.
3	Chu sinh học: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, nâng cao và cập nhật về chu sinh học; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh nhi mắc bệnh lý và rối loạn ở thời kỳ chu sinh.
C. HỌC PHẦN CHUYÊN ĐỀ	

1	Chuyên đề tiến sĩ 1,2,3: Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ; yêu cầu nâng cao năng lực nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.
2	Tiểu luận tổng quan: Mỗi nghiên cứu sinh phải thực hiện một bài tiểu luận tổng quan; yêu cầu thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu; từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ.
D. LUẬN ÁN	
1	Luận án tốt nghiệp: Các nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học. Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp mới về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết trọn vẹn các vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Các chủ đề nghiên cứu của luận án phù hợp với lĩnh vực Nhi khoa.

VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

1. Kiến thức

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm
- Dạy học dựa trên ca bệnh (Case based learning)
- Tự học

2. Kỹ năng

- **Dạy học lâm sàng có sự tham gia của người bệnh**
 - Dạy học bên giường bệnh
 - Dạy học thông qua điều trị và theo dõi người bệnh
 - Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh
 - Dạy học thông qua hội chẩn
 - Dạy học thông qua trực
 - Dạy học tại phòng thủ thuật/phòng mổ
- **Dạy học lâm sàng không có sự tham gia của người bệnh**
 - Dạy học thông qua giao ban

- Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh
- Dạy học dựa trên ca bệnh (Case based learning)
- Dạy học với thiết bị y học và mô hình mô phỏng
- Dạy học trên bệnh nhân đóng thế (đóng vai)

3. Thái độ và tính chuyên nghiệp

- Dạy trên bệnh nhân thực
- Dạy theo nhiệm vụ, công việc thực
- Dạy qua tình huống mô phỏng

IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Học phần	Phương pháp lượng giá/đánh giá						Tổng số phương pháp
	MCQ	Viết tự luận	Thực hành	Báo cáo chuyên đề/Bảo vệ luận án	Bài tập tình huống	Vấn đáp có cấu trúc (OSLER)	
HỌC PHẦN BỔ SUNG							
Triết học		x					1
Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x				2
Thống kê y sinh	x				x		2
Phương pháp dạy học	x				x		2
Sinh lý học nâng cao	x						1
Truyền nhiễm	x					x	2
Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu	x					x	2
Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền	x					x	2
Tiêu hóa – Dinh dưỡng	x					x	2

Học phần	Phương pháp lượng giá/đánh giá						Tổng số phương pháp
	MCQ	Viết tự luận	Thực hành	Báo cáo chuyên đề/Bảo vệ luận án	Bài tập tình huống	Vấn đáp có cấu trúc (OSLER)	
Hô hấp – Tim mạch	x					x	2
Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội – Điều trị học	x					x	2
Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa	x					x	2
Bệnh lao trẻ em	x					x	2
Tai nạn thương tích – Phục hồi chức năng ở trẻ em	x					x	2
Ngoại nhi	x					x	2
IMCI	x					x	2
HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ							
Hồi sức cấp cứu nhi khoa nâng cao				x		x	2
Bệnh lý miễn dịch ở trẻ em				x		x	2
Chu sinh học				x		x	2
HỌC PHẦN CHUYÊN ĐỀ							
Chuyên đề 1				x			1
Chuyên đề 2				x			1
Chuyên đề 3				x			1
Chuyên đề tổng quan				x			1
Luận án				x			1

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Dạy học lý thuyết

- Học viên được cung cấp bản đề cương chi tiết các học phần để nắm rõ chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp lượng giá; nội dung, phương pháp học tập.
- Học viên được yêu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và viết các chuyên đề liên quan đến học phần.
- Học viên tham gia thảo luận nhóm trên giảng đường các ca lâm sàng liên quan đến nội dung kiến thức của học phần

2. Dạy học lâm sàng

Học viên được chia nhóm thực hành lâm sàng tại các khoa lâm sàng thuộc Khối Nhi của bệnh viện thực hành, tham gia công tác thăm khám, điều trị, trực... để từng bước hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng.

3. Phương án tổ chức

Hoạt động dạy - học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường truyền thống và giảng đường thông minh, chuyên biệt.

Thực hành lâm sàng các chuyên khoa chuyên sâu của ngành Nhi khoa tại bệnh viện tuyến tỉnh/thành phố tại Hải Phòng:

- + BV Trẻ em Hải Phòng (Các khoa thuộc khối Nội Nhi và khối Ngoại Nhi)
- + BV Quốc tế Green (Khoa Nhi)
- + BV Hữu nghị Việt Tiệp (Khoa Truyền nhiễm, Khoa Chẩn đoán hình ảnh)
- + Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng (Khoa Nhi)

XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các chương trình đào tạo, tài liệu tham khảo trong quá trình xây dựng chương trình:

- Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ Giáo dục đào tạo về Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.
- Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp BS chính (hạng 1)
- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 8) (Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)
- Quyết định về việc Ban hành Quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ – Số 226/QĐ-YDHP – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục của Trường (Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ngày 02/02/2021 về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải

Phòng).

- Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Nhi khoa – Trường Đại học Y Dược
Cần Thơ – Năm 2023

- Quyết định về việc Ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Tiến sĩ - Trường
Đại học Y Dược, Đại học Huế (Số 3608/QĐ-ĐHYD)

- Khung chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ (90 tín chỉ) - Ngành: Nhi khoa - Đại
học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Áp dụng cho khóa 2022 – 2025, ký ban
hành ngày 20/01/2022)

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Đinh Dương Tùng Anh

TRƯỞNG KHOA Y

PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

A. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRIẾT HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Triết học	
Mã học phần: YHTH.501	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: - Bộ môn Lý luận chính trị - Giảng viên phụ trách: TS.GVC Trịnh Thị Thủy. Email liên hệ: ttthuy@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0916626226	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	A= 03	a = 3	b = 0	c = 0	
Số tiết	B = 45	x = a x 15	y = b x 30	z = c x 45	C = a x 30 + b x 15 = 90
Số buổi	09	09	0	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

- Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước; đặc biệt, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học

chuyên môn của học viên cao học và nghiên cứu sinh. Học phần bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học; củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Kế thừa những kiến thức đã học được ở trình độ đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ bản trong Lịch sử triết học và trong Triết học Mác – Lênin.	PLO5
CLO2	Giải thích được vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ hiện đại gắn liền với các thành tựu mới của khoa học và công nghệ, với những vấn đề do thời đại và đất nước ta đặt ra.	PLO5, PLO10
CLO3	Phân tích được các nội dung của Triết học Mác – Lênin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	PLO5
CLO4	Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.	PLO5, PLO9

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/thảo luận nhóm,...
- Thời gian: Trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

b. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Tiểu luận
- Thời gian: Sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

c. Lượng giá cuối kỳ

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} * 10\% + \text{TLGK} * 20\% + \text{KT} * 70\%.$$

CC: lượng giá chuyên cần

TLGK: lượng giá giữa kì (Tiêu luận)

KT: lượng giá kết thúc:

- Hình thức: + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc.

Mục tiêu	Nhớ: (20%)	Hiểu: (30%)	Áp dụng: (20%)	Phân tích: (30%)	Đánh giá (...%)	Sáng tạo (...%)	Tổng (%)
CLO1 (20%)	1						20
CLO2 (40%)		1					40
CLO3 (20%)				1			20
CLO4 (20%)			1				20
Tổng							100

+ Thực hành: Không

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC I. Triết học là gì? II. Triết học phương Đông III. Triết học phương Tây hiện đại IV. Tư tưởng Triết học Việt Nam	15	0	30	CLO1 CLO4	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối

					thoại, xêmina,..
CHƯƠNG 2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN I. Sự ra đời triết học Mác – Lênin II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử IV. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	15	0	30	CLO2 CLO3 CLO4	- Phương pháp thuyết trình Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
CHƯƠNG 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	10	0	20	CLO2 CLO3 CLO4	- Phương pháp thuyết trình Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..

CHƯƠNG 4. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI I. Ý thức khoa học II. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội III. Khoa học công nghệ ở Việt Nam	5	0	10	CLO2 CLO3 CLO4	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..
---	---	---	----	----------------------	--

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Nguyễn Văn Tài: Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản ĐHSP, 2020.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. C.MÁC và PH.ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sỹ học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007 .

[3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.GVC Trịnh Thị Thủy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	Th.s Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.
- Phòng thực hành/thí nghiệm

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trịnh Thị Thủy

PHỤ TRÁCH CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.GVC Trịnh Thị Thủy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	Th.s Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học	
Mã học phần: YHNC.512	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học - Nghiên cứu khoa học	
Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	45
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Dịch tễ học, Xác suất thống kê, Tin học ứng dụng

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung (Course objective: CO)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CLO1	Vận dụng được tiêu chí FINER, SMART và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu và thiết kế nghiên cứu phù hợp.	PLO2, PLO3
CLO2	Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để tính được cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu cụ thể và thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp	PLO2, PLO3
CLO3	Lựa chọn được tài liệu tham khảo trích dẫn phù hợp	PLO2, PLO3
CLO4	Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp	PLO2, PLO3
CLO5	Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một phương pháp thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể	PLO2, PLO3
CLO6	Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trông và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu	PLO2, PLO3, PLO4
CLO7	Viết được đề cương nghiên cứu khoa học	PLO2, PLO3, PLO8
CLO8	Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu)	PLO2, PLO3
CLO9	Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu	PLO2, PLO11

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá thực hành (LGTH)

* Hình thức: Viết đề cương

Hạn nộp đề cương: 2 tuần sau khi kết thúc học lý thuyết

* Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO1	-	-	x	-
CLO2	-	-	x	-
CLO3	-	-	x	-
CLO4	-	-	x	-

CLO 5	-	-	x	-
CLO 6	-	-	x	-
CLO 7	-	-	x	-
CLO 8	-	-	x	-
CLO 9	-	-	x	-
Tổng			100%	

- Tiêu chí đánh giá đề cương: Rubric

Bảng Rubric lượng giá đề cương

CDR	Điểm	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
Thế thức					
CLO7	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày
Đặt vấn đề (1-1,5 trang)					
CLO1, CLO7, CLO8	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng

	8	Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách)	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu
	3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể.	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng.
	7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không không bắt đầu bằng động từ nghiên cứu	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ hợp lý theo tiêu chí SMART

Tổng quan tài liệu (5-10 trang)

CLO3, CLO7, CLO8	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp,

	đây có liên quan	không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo

Phương pháp nghiên cứu (5-10 trang)

CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9.	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Cỡ; rõ ràng; chính xác
	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu-chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với NC	Có; phù hợp với mục tiêu NC
	10	Biến số-Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm

	cứu		được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	của biến số, phù hợp với mục tiêu
10	Phương pháp thu thập thông tin	Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
3	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các sai số có thể có của nghiên cứu và cách không chế sai số

5	Xử lý-Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
5	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết

Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị					
CLO6, CLO7, CLO8	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả NC theo mục tiêu	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu
CLO7	2	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả NC
Lập kế hoạch nghiên cứu					
CLO7	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được biểu đồ GANTT thể hiện kế hoạch NC
Tài liệu tham khảo					
CLO7, CLO8, CLO9	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài liệu tham khảo	Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ	Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu

3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: MCQ

- Thời gian thi: 40 phút

- Tổng số câu: 30 câu

Ma trận lượng giá

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng
CLO1	-	-	6 câu	20%
CLO2	-	-	6 câu	20%
CLO4	-	-	5 câu	16%
CLO 5	-	-	5 câu	17%
CLO 6	-	-	5 câu	17%
CLO 9	-	-	3 câu	10%
Tổng			30 câu	100%

3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LGTH} * 0.5 + \text{LGKT} * 0.5.$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	<p>Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu. - LLO1: Áp dụng tiêu chí FINER để lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp. - LLO2: Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể 	1	4	4	CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

2	<p>Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho nghiên cứu - LLO2: Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo 	1	4	4	CLO1, CLO3, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
3	<p>Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp 	2	4	6	CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
4	<p>Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán được cỡ mẫu cần thiết cho một NC cụ thể - LLO2: Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể 	1	2	3	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
5	<p>Thiết kế công cụ thu thập thông tin</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số - LLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp 	1	3	3	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

6	<p>Sai số và nhiễu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Xác định được sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu - LLO2: Đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp cho nghiên cứu - LLO2: Xác định được nhiễu và đề xuất được phương pháp khống chế nhiễu trong NC 	1	2	3	<p>CLO4, CLO7, CLO8, CLO9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
7	<p>Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể. 	2	4	6	<p>CLO5, CLO7, CLO8, CLO9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
8	<p>Đạo đức trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học - LLO2: Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học 	2	0	4	<p>CLO 10</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
9	<p>Trình bày kết quả nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - LLO1: Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC. 	1	2	3	<p>CLO6, CLO7, CLO8, CLO9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

10	Lập kế hoạch nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể	1	4	4	CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm
11	Cách viết đề cương nghiên cứu Mục tiêu: - LLO1: Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên cứu - LLO2: Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể	1	4	4	CLO7, CLO8, CLO9	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Báo cáo bài tập nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Nghiên cứu khoa học y học, 2016 / Lưu Ngọc Hoạt. Tập 1 : Phương pháp viết đề cương nghiên cứu
- Nghiên cứu khoa học y học, 2016 / Lưu Ngọc Hoạt. Tập 2 : Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thu Thảo	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	ntthao@hpmu.edu.vn
3	Nguyễn Thanh Hải	Khoa Y tế công cộng Trung tâm GDYH-NCKH	nthanhhai@hpmu.edu.vn
4	Phạm Thanh Hải	Khoa Răng Hàm Mặt Trung tâm GDYH-NCKH	pthai@hpmu.edu.vn
5	Hoàng Đức Hạ	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh Trung tâm GDYH-NCKH	hdha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Bình

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỐNG KÊ Y SINH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thống kê Y sinh	
Mã học phần: YHTK.558	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Nhóm Thống kê Y sinh - Khoa Y tế công cộng	
Email liên hệ: nthanhhai@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0913 513 654	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	0	
Số tiết	75	15	60	0	60
Số buổi	15	3	12	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

(Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần).

Thống kê y sinh là một môn khoa học ứng dụng. Ứng dụng của nó có thể từ sinh học phân tử, sinh lý học, giải phẫu, tế bào học đến nghiên cứu lâm sàng và sức khỏe cộng đồng và từ đó cung cấp bằng chứng cho thực hành y khoa. Thống kê do đó ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thực hành y khoa và là phần không thể thiếu trong nghiên cứu y học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp

của thống kê và sự chú trọng vào “y học dựa vào bằng chứng”, chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm.

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

- Các khái niệm then chốt (nếu có) (*các khái niệm chính yếu, then chốt bắt buộc sinh viên phải nhớ sau khi học xong module/học phần*)
 - Quản lý và xử lý số liệu
 - Thống kê mô tả
 - Thống kê suy luận
 - Ước lượng điểm, ước lượng khoảng
 - Khoảng tin cậy
 - Giá trị p
 - Kiểm định giả thuyết thống kê
 - Nhiễu
 - Cỡ mẫu
- Sơ đồ khái niệm then chốt (nếu có)

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Phân biệt được các loại thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản (các loại nghiên cứu quan sát, thực nghiệm)	PLO2, PLO3
CLO2	Mô tả được quá trình chuẩn bị bộ số liệu, các nguyên tắc mã hoá số liệu	PLO2, PLO3

CLO3	Giải thích được các loại hình thống kê mô tả thích hợp với các loại biến số, lập luận được lý do lựa chọn các thống kê mô tả phù hợp.	PLO2, PLO3, PLO9
CLO4	Giải thích được lý do cơ bản của việc dùng các phép tính toán của mỗi kiểm định thống kê suy luận.	PLO2, PLO3, PLO9
CLO5	Phân biệt được nhiễu và việc sai lệch kết quả khi có nhiễu.	PLO2, PLO3, PLO9
CLO6	Mô tả được cách tiếp cận thông thường để tính cỡ mẫu cần thiết cho một câu hỏi nghiên cứu.	PLO2, PLO3, PLO9
CLO7	Xây dựng được kế hoạch chuẩn bị bộ số liệu, làm sạch và quản lý số liệu trên phần mềm máy tính	PLO2, PLO3, PLO9
CLO8	Tính toán và vẽ biểu đồ thị được các thống kê mô tả qua sử dụng phần mềm thống kê.	PLO2, PLO3, PLO9
CLO9	Chọn được kiểm định thống kê phù hợp để so sánh các kiểu dữ liệu khác nhau và phiên giải được các kết quả phân tích số liệu cho mỗi loại kiểm định	PLO2, PLO3, PLO4
CLO10	Thực hiện được việc phân tích phân tầng và xây dựng mô hình đa biến đơn giản cho dữ liệu nhiễu.	PLO2, PLO3, PLO9
CLO11	Thực hiện được tính cỡ mẫu cho một đề cương hoặc báo cáo nghiên cứu.	PLO2, PLO3, PLO9

CLO12	Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thống kê trong nghiên cứu y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	PLO2, PLO3
CLO13	Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật thống kê y sinh để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.	PLO2, PLO3, PLO9

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- (- Nêu rõ: chiến lược lượng giá, phương pháp, công cụ, tiêu chí và thời điểm lượng giá;
- Công thức tính điểm tổng kết học phần theo quy chế đào tạo).

3.1. Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành.
- Thời gian: Trong suốt quá trình học học phần
- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá chuyên cần.

b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành

+ Lý thuyết: MCQ, 42 câu/60 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

Mục tiêu	Nhớ (%)	Hiểu (%)	Áp dụng (%)	Phân tích (%)	Tổng (Số câu)
CLO1 (16,6%)	3	3	1		7
CLO2 (16,6%)	3	3	1		7
CLO3 (16,6%)	3	3	1		7
CLO4 (16,6%)	3	3	1		7
CLO5 (16,6%)	3	3	1		7
CLO6 (16,6%)	3	3	1		7
Tổng (số câu)	18	18	6	0	42

+ Thực hành: học viên thi thực hành trên máy tính, cấu trúc đề thi theo ma trận sau :

Mục tiêu	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO7 (20%)	-	-	x	-
CLO8 (20%)	-	-	x	-
CLO9 (25%)	-	-	x	-
CLO10 (25%)	-	-	x	-
CLO11 (10%)			x	
Tổng (100%)	-	-	5	-

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm (*quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm*):

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} \cdot 1 + \text{TH} \cdot 2) / 3$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Thống kê và vai trò trong nghiên cứu và thực hành y sinh	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 2: Sơ lược các phương pháp nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO1	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 3: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng	2	0	4	CLO6	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 4: Quản lý số liệu bằng stata	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận

					nhóm
Bài 5: Phân tích thống kê mô tả	2	0	4	CLO3	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 6: Phân tích thống kê suy luận	3	0	6	CLO4	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Bài 7: Nhiễu và khống chế nhiễu	2	0	4	CLO5	Thuyết trình/ thảo luận nhóm
Tổng	15	0	30		

4.2. Thực hành

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu dựa trên ước lượng đo lường vấn đề nghiên cứu với độ chính xác nhất định	0	4	2	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 2: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu cho một số nghiên cứu dựa trên kiểm định giả thuyết hoặc chứng minh sự khác biệt có ý nghĩa	0	4	2	CLO11	Quan sát/Thực hành
Bài 3: Quản lý số liệu	0	12	6	CLO7	Quan sát/Thực hành
Bài 4: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định lượng trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành

Bài 5: Phân tích thống kê mô tả- Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định tính trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 6: Phân tích thống kê mô tả- Vẽ đồ thị thống kê mô tả trong STATA	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 7: Phân tích thống kê mô tả- Trình bày kết quả phân tích thống kê mô tả	0	4	2	CLO8	Quan sát/Thực hành
Bài 8: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định trung bình	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 9: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định tỷ lệ	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 10: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy logistic nhị phân	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 11: Phân tích thống kê suy luận – Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy đa biến	0	4	2	CLO9	Quan sát/Thực hành
Bài 12: Nhiễu và khống chế nhiễu: Lập bảng 2x2 thô, xác định yếu tố nhiễu tiềm ẩn và phân tầng theo yếu tố nhiễu	0	4	2	CLO10	Quan sát/Thực hành
Bài 13: Nhiễu và khống chế nhiễu: Các tính toán hiệu chỉnh và phiên giải.	0	4	2	CLO10	Quan sát/Thực hành
Tổng	0	60	30		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Giáo trình thống kê y sinh ứng dụng/ Phạm Minh Khuê. Nhà xuất bản Y học, 2021.

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1) Phương pháp nghiên cứu khoa học y học: Thống kê ứng dụng và phân tích số liệu / Hoàng Văn Minh. Nhà xuất bản Y học, 2014.
- 2) Thống kê và ứng dụng : Giáo trình dùng cho các trường ĐH và CĐ / Đặng Hùng Thắng. - Tái bản lần thứ 5. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2020.
- 3) Thống kê y tế công cộng. Phần phân tích số liệu: sách dùng đào tạo cử nhân y tế công cộng / Phạm Việt Cường. Nhà xuất bản Y học, 2009.
- 4) Thống kê y tế công cộng: sách dùng đào tạo cử nhân y tế công cộng / Lê Cự Linh. Nhà xuất bản Y học, 2009.
- 5) Biostatistics and epidemiology: Armen Khachatryan, M.D. McGraw - Hill: Health professions division, 1998.
- 6) Statistiques biomédicales : Cahier du PCEM / J-P.Georgin. - Paris : Maloine, 1991.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...
- Phòng thực hành (phòng máy tính)

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Kim Khôi

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS Phạm Minh Khuê	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	TS Hoàng Thị Giang	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	hoanggiang0708@gmail.com
3	TS Nguyễn Thanh Hải	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	nthanhhai@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Quang Đức	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành
2	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Khoa YTCC- Trường ĐH Y Dược Hải Phòng	Trợ giảng thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY	
Mã học phần: YHPP.513	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Ban Phát triển Giảng viên - Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phòng 512, tầng 5 nhà A - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0983731209	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	77
Số buổi	10	4	6	0	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Giảng dạy là một nhiệm vụ tất yếu của các Tiến sĩ Nhi khoa tại các cơ sở đào tạo Y tế của các Trường Đại học, Cao đẳng Y và các bệnh viện thực hành. Học phần “Phương pháp dạy học” đào tạo cho học viên khả năng thiết kế bài dạy học và thực hiện dạy học dựa trên năng lực Y khoa một cách hiệu quả, đáp ứng với nhu cầu xã hội.

- Các khái niệm then chốt (nếu có):
 - Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực
 - Nguyên lý constructive alignment
 - Mục tiêu đạt ABCD và SMART

- Thang Bloom, Dave, Krathword
- Chiến lược lượng giá
- Tính tin cậy, tính giá trị của phương pháp lượng giá
- MCQ hiệu quả
- 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả
- Tương tác hệ thống
- Dạy học trên tình huống
- Hoạt động dạy học tích cực

2.2. Mục tiêu của học phần (Course Objectives - COs)

Mục tiêu học phần (COs)	Mô tả mục tiêu học phần (COs)	Mục tiêu của chương trình (PO)
CO1	Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	PO6 - Có kỹ năng giảng dạy, phổ biến tri thức; có khả năng giảng dạy chuyên sâu về chuyên ngành Nhi khoa tại các Trường Đại Học, Trung tâm, Viện nghiên cứu.
CO2	Vận dụng được kiến thức về 4 thành phần và 5 tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	
CO3	Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt	
CO4	Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu và lượng giá	
CO5	Viết được mục tiêu học tập tốt không giám sát	
CO6	Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT không giám sát	
CO7	Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực	

	hiện được hoạt động dạy học tích cực không giám sát	
CO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp không giám sát	

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Trình bày được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực.	PLO7: Áp dụng thành thạo các nguyên lý giáo dục hiện đại, cập nhật trong hoạt động giảng dạy các vấn đề Nhi khoa. PLO8: Có năng lực thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt đồng nghiệp thực hiện các hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Nhi khoa.
CLO2	Giải thích được ý nghĩa của 4 thành phần và 5 tiêu chí của mục tiêu học tập tốt.	
CLO3	Giải thích được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt.	
CLO4	Mô tả 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học.	
CLO5	Viết được mục tiêu học tập tốt có giám sát	
CLO6	Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT có giám sát	
CLO7	Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực có giám sát	
CLO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp không giám sát	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá chuyên cần: điểm trình bày bài tập của học viên trên lớp

3.2 Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức

- Điều kiện dự thi lý thuyết: Tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp: Thi trắc nghiệm
- Công cụ: 30 câu MCQ/ 20'
- Chiến lược lượng giá:

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ (20%)	Hiểu (30%)	Áp dụng (50%)	
CLO1: Trình bày được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực.	13%	1	3	0	4
CLO2: Giải thích được ý nghĩa của 4 thành phần và 5 tiêu chí của mục tiêu học tập tốt.	13%	0	1	3	4
CLO3: Giải thích được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt.	34%	0	2	8	10
CLO4: Mô tả 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, nguyên tắc thiết kế kế hoạch bài dạy học.	40%	0	3	9	12
Tổng số		1	9	20	30

3.3 Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng thiết kế và tổ chức dạy học:

- Phương pháp: Thi thực hành đóng vai
- Công cụ : Rubric cho 1 bài giảng trong 20'
- Điều kiện đạt : 6/10 điểm
- Chiến lược lượng giá :

Mục tiêu	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
CLO5: Viết được mục tiêu học tập tốt có giám sát	10%		x		
CLO6: Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MHTT có giám sát.	6%		x		

CLO7: Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực có giám sát	81%		x		
CLO8: Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp không giám sát	3%			x	

3.4 Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5
- Điều kiện đạt: Điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Phương pháp dạy – học
		LT	TH	Tự học		
1.	Chương 1: Giới thiệu môn học	2	0	3		
	Bài 1: Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực. 1. Giải thích được lý do chuyển đổi sang GDYK dựa trên năng lực. 2. Giải thích 4 đặc điểm của GDYK dựa trên năng lực. 3. Giải thích sự khác biệt giữa GDYK dựa trên năng lực với dựa trên cấu trúc - quy trình. 4. Giải thích 3 yếu tố quyết định để đạt được GDYK dựa trên năng lực 5. Giải thích trình tự 6 bước xây				CLO1	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)

	dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực theo nguyên lý “constructive alignment”.					
2.	Chương 2: Mục tiêu học tập	2	4	9		
	Bài 2: Mục tiêu học tập				CLO2	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Động não/ Thảo luận)
	1. Giải thích được vai trò của viết mục tiêu học tập tốt trong giáo dục Y khoa				CLO2	
	2. Vận dụng được 6 mức độ của thang nhận thức, 5 mức độ của thang kỹ năng và thái độ để nhận diện được mức độ của mục tiêu học tập.				CLO2	
	3. Vận dụng được kiến thức về 4 thành phần A.B.C.D và 5 tiêu chí S.M.A.R.T để nhận diện được mục tiêu học tập tốt				CLO5	
	4. Viết được 3 mục tiêu cụ thể trong một bài giảng chuyên ngành					
3	Chương 3. Lượng giá dựa trên năng lực	5	8	20		
	Bài 3: Chiến lược lượng giá.	1	2	4.5		DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	1. Định nghĩa được chiến lược lượng giá				CLO3	
	2. Xác định các thành phần, các bước xây dựng chiến lược lượng giá				CLO3	
	3. Thiết kế được chiến lược lượng giá module, môn học.				CLO6	
	Bài 4: Phương pháp và công cụ lượng giá.	2	2	6		DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	1. Phân biệt lượng giá với đánh giá (khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa & mục đích).				CLO3	
	2. Giải thích 2 tiêu chí của lượng giá dựa trên năng lực.				CLO3	
					CLO6	
					CLO3	

	<p>3. Xây dựng nội dung lượng giá theo test blue print.</p> <p>4. Giải thích ưu - nhược điểm của các phương pháp lượng giá & biện pháp khắc phục.</p> <p>5. Giải thích nguyên tắc chọn lựa phương pháp & công cụ lượng giá.</p>				CLO3	
	<p>Bài 5 : MCQ hiệu quả</p> <p>1. Giải thích được tiêu chí của 3 thành phần trong câu hỏi MCQ</p> <p>2. Áp dụng 10 nguyên tắc viết câu hỏi tốt, 11 lỗi thường gặp để nhận diện được câu hỏi MCQ tốt</p> <p>3. Viết được 03 câu MCQ tốt phù hợp thang Bloom</p>	2	4	9	CLO3 CLO3 CLO6	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
4.	Chương 4: Một số phương pháp/ hoạt động dạy học tích cực	5	14	28		
	<p>Bài 6: Thuyết trình hiệu quả</p> <p>1. Giải thích được ý nghĩa của 5 yếu tố thiết yếu giúp thuyết trình hiệu quả</p> <p>2. Áp dụng 5 nguyên tắc thiết kế slide tốt và cải thiện kỹ năng thuyết trình để nhận diện một bài thuyết trình hiệu quả.</p>	1	0	2	CLO4 CLO7	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	<p>Bài 7: Hệ thống tương tác</p> <p>1. Giải thích được ưu điểm của AIRS</p> <p>2. Áp dụng AIRS để tạo bài giảng</p>	0	4	6	CLO4 CLO7	Dạy 1 kỹ năng
	<p>Bài 8: Các phương pháp dạy học tích cực</p> <p>1. Định nghĩa khái niệm dạy - học tích cực</p> <p>2. Giải thích lý do phải dạy - học tích cực</p> <p>3. Giải thích được ý nghĩa của 7</p>	4	10	21	CLO4 CLO4 CLO4	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)

	nguyên tắc dạy-học tích cực				CLO7	
	4. Tổ chức được bài dạy học tích cực					
5.	Chương 5: Kế hoạch bài dạy học 1. Vận dụng được kiến thức về thiết kế kế hoạch bài dạy học, để nhận diện được một kế hoạch bài dạy học 2. Xây dựng được một kế hoạch bài dạy học tốt	1	4	7.5	CLO4 CLO8	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
Tổng số		15	30	77		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

Tài liệu học tập

1) Nguyễn Thị Phương Mai, Đào Thu Hồng (2024). Phương pháp dạy học Y học cơ bản

Tài liệu tham khảo

- 1) Phạm Thị Minh Đức (2020). Sư phạm Y học Thực hành. NXB Giáo dục Việt Nam
- 2) Trần Diệp Tuấn (2020). Giảng dạy lâm sàng dựa trên năng lực. NXB Y học
- 3) Nghiêm Xuân Đức, Phạm Văn Tác (2020) Hướng dẫn dạy và học trong khối ngành sức khoẻ. NXB Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- 1) PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng - Cố vấn chuyên môn Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 2) TS.BS Nguyễn Thị Phương Mai - Bộ môn Hoá sinh; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phụ trách học phần.
- 3) TS.BS Đào Thu Hồng – Bộ môn Sinh lý; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 4) TS.BS Vũ Mạnh Tân - Bộ môn Nội; Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 5) TS.BS Kê Thị Lan Anh - Bộ môn Nội; Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS Nguyễn Thị Phương Mai

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BS Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Nguyễn Thị Phương Mai	Bộ môn Hoá sinh, Khoa Y; TT GDYH-NCKH	ntpmai@hpmu.edu.vn
2	Đào Thu Hồng	Bộ môn Sinh lý, Khoa Y; TT GDYH-NCKH	dthong@hpmu.edu.vn
3	Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội, Khoa Y; TT GDYH-NCKH	<u>vmtan@hpmu.edu.vn</u>
4	Kê Lan Anh	Bộ môn Nội, Khoa Y; TT GDYH-NCKH	<u>kelananh1980@gmail.com</u>
5	Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi, Khoa Y; TT GDYH-NCKH	nnsang@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Lê Thị Yến	BM Giải Phẫu, Khoa Y; TT GDYH-NCKH	Giáo vụ, Trợ giảng
2	Nguyễn Thị Chinh	TT GDYH-NCKH	Cán bộ hành chính
3	Đặng Văn Minh	TT GDYH-NCKH	Trợ giảng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

SINH LÝ HỌC NÂNG CAO

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Sinh lý học nâng cao	
Mã học phần: YHSL.521	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh lý – Khoa Y	
Email liên hệ: dthong@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0948376439	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	2			
Số tiết	30	30			60
Số buổi	6	6			

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Sinh lý học nâng cao cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về sinh lý học nhi khoa, bổ sung nền tảng kiến thức giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh trong thực hành nhi khoa.

Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Vận dụng kiến thức sinh	PLO1: Áp dụng sáng tạo các kiến

	lý học tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan, sinh lý phát triển cơ thể để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và trong thực hành nhi khoa	thức tiên tiến, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật về khoa học, kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh lý chuyên sâu, phức tạp trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Nhi khoa.
--	---	---

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá chuyên cần (CC)

Học viên tham dự đủ số buổi theo quy chế, mỗi buổi vắng học viên bị trừ 10% điểm chuyên cần, 2 buổi đi muộn, về sớm tương đương 1 buổi vắng.

Tuân thủ nội quy lớp học, làm bài tập, tham gia thảo luận nhóm đầy đủ.

Học viên nghỉ quá 15% số buổi học không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

3.2. Lượng giá cuối kỳ (CK)

Sau khi hoàn thành môn học và đủ điều kiện dự thi, học viên làm bài thi cuối kỳ trong thời gian 40 phút với 30 câu hỏi ở mức độ áp dụng theo khung lượng giá sau:

CLO	Bài	Áp dụng – Số câu
CLO1. Vận dụng kiến thức sinh lý học tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan, sinh lý phát triển cơ thể để nhận biết, giải thích được các biểu hiện chức năng, điều hòa chức năng trong điều kiện bình thường và	1. Sinh lý tế bào nâng cao và ứng dụng.	4
	2. Huyết học nâng cao và ứng dụng.	4
	3. Sinh lý hệ tiết niệu nâng cao và ứng dụng.	2
	4. Sinh lý tuần hoàn nâng cao và ứng dụng.	4
	5. Sinh lý hô hấp nâng cao và ứng dụng.	4
	6. Sinh lý tiêu hóa nâng cao và ứng dụng.	2
	7. Sinh lý nội tiết-chuyển hóa nâng cao và ứng dụng.	4
	8. Sinh lý sinh dục-sinh sản nâng cao và ứng dụng.	2

trong thực hành nhi khoa	9. Sinh lý thần kinh nâng cao và ứng dụng.	4
Tổng		30 câu (100%)

Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm học phần} = \text{CC} \times 0,1 + \text{CK} \times 0,9$$

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Sinh lý tế bào nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích sự vận chuyển của nước và các chất qua màng tế bào và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	4		8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm
Bài 2: Huyết học nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích quá trình sinh máu, các yếu tố ảnh hưởng và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO2. Giải thích quá trình cầm máu, các yếu tố ảnh hưởng và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO3. Giải thích cơ sở của các bất đồng nhóm máu và vận dụng trong thực hành nhi khoa. LLO4. Nhận định được các thông số thăm dò tế bào máu, đông cầm máu cơ bản và vận dụng trong thực hành nhi khoa.	4		8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm
Bài 3: Sinh lý hệ tiết niệu nâng cao và ứng dụng. LLO1. Giải thích vai trò của thận	2		4	CLO1	Thuyết trình, Thảo

<p>trong cân bằng nội môi và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p> <p>LLO2. Giải thích chức năng nội tiết của thận và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p>					luận nhóm
<p>Bài 4: Sinh lý tuần hoàn nâng cao và ứng dụng.</p> <p>LLO1. Giải thích cơ sở của các tiếng tim bình thường, bất thường và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p> <p>LLO2. Giải thích các cơ chế điều hòa hoạt động tim, mạch máu và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p> <p>LLO3. Nhận định được các thông số chức năng tim, mạch máu cơ bản và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p>	4		8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm
<p>Bài 5: Sinh lý hô hấp nâng cao và ứng dụng.</p> <p>LLO1. Giải thích các giai đoạn của quá trình hô hấp, các yếu tố điều hòa và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p> <p>LLO2. Nhận định được các thông số chức năng hô hấp cơ bản và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p>	4		8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm
<p>Bài 6: Sinh lý tiêu hóa nâng cao và ứng dụng.</p> <p>LLO1. Giải thích cơ chế điều hòa bài tiết dịch vị và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p> <p>LLO2. Giải thích cơ chế hấp thu các chất ở ruột non và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p>	2		4	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm

<p>Bài 7: Sinh lý nội tiết-chuyển hóa nâng cao và ứng dụng.</p> <p>LLO1. Giải thích cơ sở sinh lý của các rối loạn chức năng tuyến yên, tuyến giáp, tuyến cận giáp, tuyến tụy, tuyến thượng thận, tuyến sinh dục và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p>	4		8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm
<p>Bài 8: Sinh lý sinh dục-sinh sản nâng cao và ứng dụng.</p> <p>LLO1. Giải thích vai trò của trục hạ đồi-tuyến yên-buồng trứng trong chức năng sinh dục-sinh sản nữ và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p> <p>LLO2. Giải thích vai trò của trục hạ đồi-tuyến yên-tinh hoàn trong chức năng sinh dục-sinh sản nam và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p>	2		4	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm
<p>Bài 9: Sinh lý thần kinh nâng cao và ứng dụng.</p> <p>LLO1. Giải thích cơ chế dẫn truyền thần kinh-cơ và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p> <p>LLO2. Giải thích cơ sở sinh lý học của các chất tác dụng trên hệ thần kinh thực vật và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p> <p>LLO3. Giải thích cơ sở sinh lý học của hoạt động nhận thức và vận dụng trong thực hành nhi khoa.</p>	4		8	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Phạm Thị Minh Đức (2023). *Sinh lý học dùng cho đào tạo sau đại học – Tập 1*. NXB Giáo dục.

[2] Phạm Thị Minh Đức (2023). *Sinh lý học dùng cho đào tạo sau đại học – Tập 2*. NXB Giáo dục.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] Phạm Thị Minh Đức (2022). *Sinh lý học*. NXB Y học.

[2] Trần Văn Ngọc, Nguyễn Thị Lệ (2020). *Sinh lý học y khoa*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[3] Nguyễn Trung Kiên (2019). *Sinh lý học*. NXB Y học.

[4] Stuart Fox (2013). *Human physiology*, 13th ed., McGrawHill, New York.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, phấn, bảng, bút dạ, flipchart, phòng học cho thảo luận nhóm
- Phòng thực hành: Lab Sinh lý học
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành (phụ lục).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS.BS. Đào Thu Hồng

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi	Bộ môn Sinh lý	nvmui@hpmu.edu.vn
2	TS.BS. Đào Thu Hồng	Bộ môn Sinh lý	dthong@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Phạm Thị Nguyên	Bộ môn Sinh lý	pthinguyen@hpmu.edu.vn
2	ThS.BS. Trần Thị Quỳnh Trang	Bộ môn Sinh lý	ttqtrang@hpmu.edu.vn

3. Vật tư tiêu hao

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức SV/nhóm
2	Phiếu xét nghiệm huyết học	x		cái	10	10
2	Phiếu xét nghiệm đông máu	x		cái	10	10
4	Phiếu kết quả điện tâm đồ	x		cái	10	10
4	Phiếu kết quả siêu âm tim	x		cái	10	10
5	Phiếu kết quả chức năng hô hấp	x		cái	10	10

4. Danh mục các trang thiết bị /mô hình sử dụng

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	4	Máy điện tim	x		Cái	1	
2	4	Máy siêu âm tim	x		Cái	1	

3	5	Máy đo chức năng hô hấp	x		Cái	1	
4	9	Máy đo cơ lực	x		Cái	1	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

SƠ SINH – HỒI SỨC CẤP CỨU

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: SƠ SINH – HỒI SỨC CẤP CỨU	
Mã học phần: YHSH.553	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	0	1	
Số tiết	60	15	0	45	30
Số buổi	12	3	0	9	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và cập nhật về bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc các bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO1
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp ở trẻ sơ sinh	PLO1, PLO5
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO6
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý Sơ sinh – Hồi sức cấp cứu, trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO1

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần: Thông qua kiểm tra việc đi thường trú tại khoa lâm sàng và điểm danh

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.

- Thi MCQs: 60 câu MCQ trong thời gian 60 phút
- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1	16,67%	3	7	10
CLO 2	16,67%	2	8	10
CLO 3	16,67%		10	10
CLO 4	16,67%		10	10
CLO 5	16,67%		10	10
CLO 6	16,67%		10	10
Tổng	100%	5	55	60

3.2.2. Lượng giá kỹ năng lâm sàng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng lâm sàng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp có cấu trúc (OSLER).
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :

- Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - Tham gia thảo luận nhóm
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = $CC \times 0.1 + TH \times 0.4 + LTCK \times 0.5$
- Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy - học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng* *
		LT	LS				
1	Đẻ non	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Vàng da tăng bilirubin tự do ở trẻ sơ sinh	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Nhiễm khuẩn sơ sinh do mẹ truyền	2	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Cấp cứu ngừng thở, ngừng tuần hoàn	2	6		Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

5	Hội chứng suy hô hấp cấp	2	6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
6	Tiếp cận trẻ bị sốc	3	9	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
7	Suy tim cấp ở trẻ em	2	6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	15	45			

5. TÀI LIỆU DẠY - HỌC

- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhận, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần V: Hồi sức cấp cứu, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.307-444. Nhà xuất bản Y học.
- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhận, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần IV: Sơ sinh, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.177-306. Nhà xuất bản Y học.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 1: Chăm sóc sức khỏe ban đầu - Sơ sinh, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.9-82. Nhà xuất bản Y học.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 2: Cấp cứu – Hồi sức, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.83-136. Nhà xuất bản Y học.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 6: Sơ sinh, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr1-106. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 8: Hồi sức cấp cứu, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr219-472. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Sơ sinh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS.BS. Đặng Văn Chức

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đặng Văn Chúc	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
4	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
6	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
7	BSCKII Lê Thị Minh Luyến	Khoa Sơ sinh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Chu Thị Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. BSNT. Nguyễn Thị Thúy Hường	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. BSNT. Vũ Thị Yến	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
5	ThS. BSNT. Trần Thị Hải Yến	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
6	ThS. Phạm Thị Ngọc	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
7	ThS. BSNT. Trần Đức Tâm	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa hoàn thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ở này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10

NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THẬN – HUYẾT HỌC – NỘI TIẾT – CHUYỂN HÓA – DI TRUYỀN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: THẬN – HUYẾT HỌC – NỘI TIẾT – CHUYỂN HÓA – DI TRUYỀN	
Mã học phần: YHTN.554	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: bmnhi@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	
Số tiết	105	15	0	90	30
Số buổi	21	3	0	18	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc các bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO1
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp ở trẻ.	PLO1, PLO6
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO7
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý Thận – Huyết học – Nội tiết – Chuyển hóa – Di truyền trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO1, PLO4

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần: Thông qua kiểm tra việc đi thường trú tại khoa lâm sàng và điểm danh

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý

thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.

- Thi MCQs: 60 câu MCQ trong thời gian 60 phút
- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1	16,67%	3	7	10
CLO 2	16,67%	2	8	10
CLO 3	16,67%		10	10
CLO 4	16,67%		10	10
CLO 5	16,67%		10	10
CLO 6	16,67%		10	10
Tổng	100%	5	55	60

3.2.2. Lượng giá kỹ năng lâm sàng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng lâm sàng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp có cấu trúc (OSLER).
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm

- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = $CC \times 0.1 + TH \times 0.4 + LTCK \times 0.5$
- Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng* *
		LT	LS				
1	Chẩn đoán và điều trị một số rối loạn chuyển hoá bẩm sinh	2	12	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Suy thượng thận trẻ em	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Dậy thì sớm trung ương	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Một số rối loạn nhiễm sắc thể thường gặp	2	12	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

5	Cường giáp ở trẻ em	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
6	Bệnh Cushing	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
7	Phát triển hệ thống tạo máu	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
8	Thiếu máu ở trẻ em	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
9	Thalassemia	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
10	Suy tủy xương	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
11	Các rối loạn đông - cầm máu	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2

					TBL/ CBL		
12	Hội chứng viêm cầu thận cấp	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
13	Hội chứng thận hư tiên phát	1	6	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	15	90				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhận, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần Hệ thống nội tiết, Phần Chuyên hoá, Phần di truyền. Sách giáo khoa Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 4: Nội tiết – Chuyên hóa, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.195-297. Nhà xuất bản Y học.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 5: Thận – Tiết niệu, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.298-353. Nhà xuất bản Y học.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 7: Miễn dịch – Ung thư – Huyết học, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.425-474. Nhà xuất bản Y học.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 3: Sơ sinh, Nhi khoa sau đại học tập III, tr1-106. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 4: Huyết học, Nhi khoa sau đại học tập III, tr397-504. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 5: Nội tiết, Nhi khoa sau đại học tập III, tr505-623. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thu Nhận, Nguyễn Thị Phượng (2019). Bệnh Nội tiết- Chuyên hoá – Di truyền Trẻ em. Nhà xuất bản Y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Thận – Huyết học – Nội tiết - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS.BS. Nguyễn Ngọc Sang

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
4	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
5	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
6	BSCKII Trần Thị Ngọc Hòa	Khoa Nội tổng hợp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Chu Thị Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. BSNT. Nguyễn Thị Thúy Hương	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. BSNT. Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
5	ThS. BSNT. Vũ Thị Yến	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:

Lớp:

Chẩn đoán:

Người đánh giá:

Ngày:/...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thập thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa thuần thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ở này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIÊU HÓA – DINH DƯỠNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: TIÊU HOÁ- DINH DƯỠNG	
Mã học phần: YHTD.555	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	
Số tiết	60	15	45	15
Số buổi	12	3	9	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Sinh lý học nâng cao
- Điều kiện khác: không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Tiêu hóa – Dinh dưỡng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh tiêu hóa – dinh dưỡng ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần (CLO)	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO1
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp	PLO1, PLO6
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO7
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý tiêu hóa – dinh dưỡng, trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO1, PLO4

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần: Thông qua kiểm tra việc đi thường trú tại khoa lâm sàng và điểm danh

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.

- Thi MCQs: Thi 40 câu MCQ trong thời gian 40 phút
- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1 (12%)	5%	1	1	2
CLO 2 (8%)	7.5%	2	1	3
CLO 3 (20%)	25%		10	10
CLO 4 (20%)	25%		10	10
CLO 5 (20%)	12.5%		5	5
CLO 6 (20%)	25%		10	10
Tổng	100%	3	37	40

3.2.2. Lượng giá kỹ năng lâm sàng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng lâm sàng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp có cấu trúc (OSLER).
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :

- Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
- Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
- Tham gia thảo luận nhóm
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = $CC \times 0.1 + TH \times 0.4 + LTCK \times 0.5$
- Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng* *
		LT	LS				
1	Tiêu chảy kéo dài	3	9	CLO1- CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Xuất huyết tiêu hoá trẻ em	3	9	CLO1- CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Viêm tụy cấp trẻ em	3	9	CLO1- CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Các xét nghiệm thăm dò chức năng tiêu hoá	3	9	CLO1- CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2

					TBL/ CBL		
5	Nuôi dưỡng đường tĩnh mạch	3	9	CLO1- CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	15	45				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhận, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần IX: Hệ tiêu hóa, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.785-932. Nhà xuất bản Y học.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 8: Tiêu hóa – Dinh dưỡng, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.475-630. Nhà xuất bản Y học.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 2: Tiêu hóa – Gan mật, Nhi khoa sau đại học tập III, tr145-206. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Hoàng Nam (2017). Bệnh tiêu hoá- dinh dưỡng. Tiếp cận chẩn đoán và điều trị Nhi khoa. Nhà xuất bản Y học

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

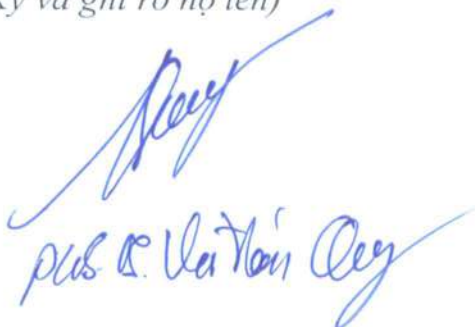
7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Tiêu hóa, Dinh dưỡng - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phụ trách Học phần

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đặng Văn Chúc	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
4	BSCCKII Nguyễn Thị Thu Thủy	Bộ môn Nhi	
5	BSCCKII Lê Quang Quỳnh	Khoa Tiêu hóa - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Phạm Thị Ngọc	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa thuần thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÔ HẤP – TIM MẠCH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: HÔ HẤP – TIM MẠCH	
Mã học phần: YHHT.556	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	0	1	
Số tiết	60	15	0	45	30
Số buổi	12	3	0	9	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Hô hấp cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý hô hấp ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh hô hấp ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần (CLO)	CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO1
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp	PLO1, PLO6
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO8
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý hô hấp, tim mạch cấp/mạn tính hoặc bẩm sinh, trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO1, PLO4

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần: Thông qua kiểm tra việc đi thường trú tại khoa lâm sàng và điểm danh

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0

trở lên.

- Thi MCQs: Thi 50 câu MCQ trong thời gian 50 phút
- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1 (12%)	12%	3	3	6
CLO 2 (8%)	8%	2	2	4
CLO 3 (20%)	20%		10	10
CLO 4 (20%)	20%		10	10
CLO 5 (20%)	20%		10	10
CLO 6 (20%)	20%		10	10
Tổng	100%	5	45	50

3.2.2. Lượng giá kỹ năng lâm sàng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng lâm sàng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp có cấu trúc (OSLER).
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm

- Điều kiện :

- Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
- Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
- Tham gia thảo luận nhóm

· Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5

· Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng* *
		LT	LS				
1	Viêm tiểu phế quản tắc nghẽn hậu nhiễm trùng	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Viêm phổi do vi khuẩn không điển hình	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Bệnh tim bẩm sinh có tím và không tím	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Rối loạn nhịp tim ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

5	Bệnh Kawasaki	3	9	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	Tổng	15	45				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhận, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần VI: Hệ tuần hoàn, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.445-686. Nhà xuất bản Y học.
- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhận, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần VII: Hệ hô hấp, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.687-762. Nhà xuất bản Y học.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương Tuần hoàn – Hô hấp, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.137-194. Nhà xuất bản Y học.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 9: Tim mạch, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr473-843. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 1: Hô hấp, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr1-144. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)


7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Hô hấp, Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



TSBS. *Đinh Dương Tùng Anh*

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
2	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đặng Văn Chức	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
4	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
5	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
6	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
7	ThS. BSCK II Hoàng Ngọc Anh	Khoa Hô hấp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	hoangngocanhqn@gmail.com

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. BSNT. Nguyễn Thị Thúy Hương	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. BSNT. Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. BSNT. Đoàn Thị Linh	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa tuân thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

THẦN KINH – TÂM BỆNH – NHI KHOA XÃ HỘI – ĐIỀU TRỊ HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: THẦN KINH – TÂM BỆNH – NHI KHOA XÃ HỘI – ĐIỀU TRỊ HỌC	
Mã học phần: YHTX.559	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	3	1	0	2	
Số tiết	105	15	0	90	30
Số buổi	21	3	0	18	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội – Điều trị học cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc các bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội và các vấn đề Điều trị học ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu và áp dụng được các kiến thức về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO2	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu cơ bản và lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân	PLO1
CLO3	Nhận biết và chẩn đoán được trẻ nghi ngờ bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội với các biểu hiện lâm sàng đa dạng.	PLO1
CLO4	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên có bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp ở trẻ em	PLO1, PLO6
CLO5	Giáo dục cha mẹ và trẻ về các bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và điều trị.	PLO1, PLO7
CLO6	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý Thần kinh – Tâm bệnh – Nhi khoa xã hội trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO1, PLO4

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần: Thông qua kiểm tra việc đi thường trú tại khoa lâm sàng và điểm danh

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.

- Thi MCQs: Thi 60 câu MCQ trong thời gian 60 phút
- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiểu (10%)	Áp dụng trở lên (90%)	Tổng
CLO 1	16,67%	3	7	10
CLO 2	16,67%	2	8	10
CLO 3	16,67%		10	10
CLO 4	16,67%		10	10
CLO 5	16,67%		10	10
CLO 6	16,67%		10	10
Tổng	100%	5	55	60

3.2.2. Lượng giá kỹ năng lâm sàng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng lâm sàng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp có cấu trúc (OSLER)
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 2 (10%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-
CLO 4 (30%)	-	-	x	-
CLO 5 (20%)	-	x		-
CLO 6 (10%)	-	x		-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%

- Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
- Tham gia thảo luận nhóm
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5
- Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng*
		LT	LS				
1	Bệnh động kinh ở trẻ em	2	12	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Bại não ở trẻ em	2	12	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em	3	18	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng	2	2
4	Rối loạn tăng động, giảm chú ý	2	12	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
5	Rối loạn Tic và hội chứng Tourette	2	12	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

6	Các chỉ số đánh giá trong chương trình chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ em.	2	12	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bảng chứng TBL/ CBL	2	2
7	Sử dụng thuốc trong nhi khoa	2	12	CLO1 - CLO6	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bảng chứng TBL/ CBL	2	2
Tổng		15	90				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần XIV: Hệ thần kinh trung ương. Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.1353- 1400. Nhà xuất bản Y học.
- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhạn, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần XXI: Sức khỏe tâm thần. Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.1873-1944. Nhà xuất bản Y học.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 6: Tâm thần – thần kinh, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.354-424. Nhà xuất bản Y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các khoa lâm sàng và phòng khám Thận – Huyết học – Nội tiết - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



THẦY THUỐC ƯU TÚ

PGS.TS. *Đinh Văn Chức*

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. *Đinh Dương Tùng Anh*

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đặng Văn Chúc	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
4	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
5	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
6	TS.BS Ngô Anh Vinh	Bệnh viện Nhi Trung ương	vinhinc@yahoo.com
7	BSCCKII. Nguyễn Bích Vân	Khoa Thần kinh – Tâm bệnh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. BSNT. Trần Đức Tâm	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. Nguyễn Mai Phương	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. BSNT. Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng <i>Hoặc</i> Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. <i>Hoặc</i> Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng <i>Và</i> Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm. 0,5	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. <i>Và</i> Thái độ tôn trọng. 0,75	Mức đạt yêu cầu 75% <i>Và</i> Thế hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN. 1,0
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác <i>Hoặc</i> Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa hoàn thực 1,0	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường 1,5	Thực hiện thuần thực <i>và</i> phát hiện các triệu chứng bất thường 2,0
3	Đề xuất <i>Hoặc</i> phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai <i>Hoặc</i> Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng <i>Hoặc</i> đề xuất một số cận lâm sàng cần làm 0,5	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán <i>Và</i> Đề xuất cận lâm sàng cần làm 1,0
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ <i>Hoặc</i> không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng 1,0	Mức đạt Báo cáo có logic. <i>Và</i> Phân biệt được yếu tố quan trọng 1,5	Mức trên đạt <i>và</i> Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin 2,0
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng <i>Hoặc</i> Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng <i>Và</i> Lý giải phù hợp 1,0	chẩn đoán có tiềm năng <i>Và</i> Các chẩn đoán phân biệt 1,5	Mức trên đạt <i>và</i> Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp 2,0
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí <i>Hoặc</i> Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung 1,0	Mức đạt <i>Và</i> Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời) 1,5	Mức trên đạt <i>và</i> Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi 2,0

TỔNG ĐIỂM :/10
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Chẩn đoán hình ảnh	
Mã học phần: YHCD.560	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	
Email liên hệ: nvlong@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0904580590	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	
Số tiết	105	15	90	10
Số buổi	21	3	18	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Điều kiện khác: không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần chẩn đoán hình ảnh cung cấp kiến thức cơ bản cho học viên cao học Nhi khoa về một số vấn đề thường gặp của chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh. Học phần này cũng cung cấp kiến thức nền tảng và là điều kiện bắt buộc để các học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu trong chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh tại các trình độ học tiếp theo.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Nắm được chỉ định của các phương pháp X Quang, CLVT trong chẩn đoán bệnh lý bộ máy hô hấp	PLO1
CLO2	Phân tích được hình ảnh bình thường, hình ảnh bất thường của bộ máy hô hấp.	
CLO3	Chẩn đoán được các bệnh lý cơ bản của bộ máy hô hấp bằng hình ảnh X quang quy ước	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá lý thuyết và lượng giá lâm sàng

Yêu cầu tiên quyết: Học viên học đủ 100% số buổi thực hành. Vắng 1 buổi trở lên sẽ bị cấm thi.

3.1. Lượng giá lý thuyết:

- Thi MCQs: Thi 50 câu MCQ trong thời gian 60 phút liên quan đến các vấn đề cơ bản Chẩn đoán hình ảnh hệ thần kinh và tiêu hóa.
- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần
- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Mục tiêu	Nhớ (0%)	Hiểu (30%)	Áp dụng (70%)	Tổng
CLO 1 (20%)	0	3	7	10
CLO 2 (30%)	0	5	10	15
CLO 3 (50%)	0	7	18	25
Tổng	0	15	25	50

3.2. Lượng giá kỹ năng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp có cấu trúc.
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 2 (70%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-
Tổng			100%	

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

T T	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng **
		LT	LS				
1	Bài 1: Hướng dẫn đọc phim X-quang ngực	05	30	CLO1, CLO2	Thuyết trình	ThS. Long	01
2	Bài 2: Dấu hiệu X-quang ngực	05	30	CLO2, CL03	Thuyết trình	ThS. Cường	01
3	Bài 3: Hội chứng X-quang ngực	05	30	CLO2, CL03	Thuyết trình	ThS. Tú	01
	Tổng	15	90				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Bài giảng chẩn đoán hình ảnh - Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2001
- Siêu âm tổng quát. Nhà xuất bản Đại học Huế 2011
- Siêu âm bụng tổng quát / Nguyễn Phước Bảo Quân. - H. : Y học, 2002

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục)


7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường
- Các phương tiện chẩn đoán hình ảnh: máy X quang, CLVT.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

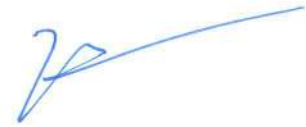
(Ký và ghi rõ họ tên)



Đinh Dương Tùng Anh

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	ThS. Bùi Hoàng Tú	Bộ môn CDHA	bhtu@hpmu.edu.vn
2.	PGS.TS Hoàng Đức Hạ	Bộ môn CDHA	hdha@hpmu.edu.vn
3.	ThS. Nguyễn Văn Long	Bộ môn CDHA	nvlong@hpmu.edu.vn

2. Danh sách giảng viên tham gia trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	Phan Xuân Cường	Bộ môn CDHA	pxcuong@hpmu.edu.vn
2.	Nguyễn Hồng Phúc	Bộ môn CDHA	nhongphuc@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TAI NẠN THƯƠNG TÍCH – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG Ở TRẺ EM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: TAI NẠN THƯƠNG TÍCH – PHỤC HỒI CHỨC NĂNG Ở TRẺ EM	
Mã học phần: YHTP.560	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Phục hồi chức năng, Trường ĐH Y Dược Hải Phòng Email liên hệ: bmphcn@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 0936735588	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	0	2	0
Số tiết	105	15	0	90	10
Số buổi	23	5	0	18	0

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: các học phần thuộc khối cơ sở
- Điều kiện khác: không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Tai nạn thương tích – Phục hồi chức năng cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao về các trường hợp tai nạn thương tích và phục hồi

chức năng ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc các bệnh lý do tai nạn thương tích và các vấn đề PHCN trong một số bệnh lý thường gặp ở trẻ em, nguyên lý thực hiện một số kỹ thuật can thiệp PHCN ở trẻ em, góp phần giúp người khuyết tật có thể hòa nhập- tái hòa nhập cộng đồng. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Thực hành thành thạo kỹ năng khai thác tiền sử, bệnh sử ở trẻ em	PLO1
CLO2	Thực hành thành thạo lập luận chẩn đoán, điều trị Tai nạn thương tích – Phục hồi chức năng cho các trường hợp bệnh lý thường gặp ở trẻ em	PLO1
CLO3	Có thái độ cảm thông, chia sẻ, tôn trọng người bệnh, góp phần giúp người khuyết tật có thể hòa nhập- tái hòa nhập cộng đồng.	PLO11

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), và lượng giá kết thúc học phần (lý thuyết và lượng giá lâm sàng)

3.1. Lượng giá chuyên cần: Thông qua kiểm tra việc đi thường trú tại khoa lâm sàng và điểm danh

3.2. Lượng giá cuối kỳ

3.2.1. Lượng giá lý thuyết:

- Học viên có đủ điều kiện thi lý thuyết là phải tham dự > 90% số tiết học lý thuyết và đạt điểm cuối kỳ học phần lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.

- Thi MCQs: Thi 30 câu trong thời gian 40 phút

- Thời gian: vào tuần cuối cùng của học phần

- Trọng số điểm là: 100% tổng điểm lý thuyết

Chuẩn đầu ra	Trọng số	Hiệu (20%)	Áp dụng trở lên (80%)	Tổng
CLO 1	33%	3	7	10
CLO 2	67%	3	17	20
Tổng	100%	6	24	30

3.2.2. Lượng giá kỹ năng lâm sàng:

- Học viên chỉ được thi kỹ năng lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức hỏi thi vấn đáp có cấu trúc.
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm: 100% tổng điểm lâm sàng.

Chuẩn đầu ra	Hiệu và biết cách làm	Làm thành thạo có sự giám sát	Làm thành thạo độc lập, không giám sát	Dạy được người khác làm
CLO 1 (30%)	-	-	x	-
CLO 2 (40%)	-	-	x	-
CLO 3 (30%)	-	-	x	-

3.2.3. Lượng giá thái độ:

- Phương pháp lượng giá 360⁰, đánh giá qua hành vi được làm và không được làm
- Công cụ : điểm danh, trình bày báo cáo chuyên đề, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 90%, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập báo cáo chuyên đề
 - o Tham gia thảo luận nhóm
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5
- Điều kiện đạt : điểm TKHP ≥ 5,5/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

Bài giảng	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
	Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
Bài 1: Biện pháp sơ, cấp cứu một số tai nạn ở trẻ em	3	18	2	CL01,CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Bài 2: Biện pháp đề phòng tai nạn thương tích ở trẻ em	3	18	2	CL01,CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Bài 3. Sự phát triển bình thường và những khuyết tật thường gặp ở trẻ từ 0-15 tuổi	3	18	2	CL01	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Bài 4. Phục hồi chức năng trẻ vẹo cột sống	3	18	2	CL01,CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Bài 5. Phục hồi chức năng trẻ bại não	3	18	2	CL01, CL02, CL03	Thuyết trình/ thảo luận nhóm, case study
Tổng	15	90	10		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

- Phục hồi chức năng : Dành cho bs định hướng chuyên khoa / Cao Minh Châu. - Tái bản lần thứ nhất. - NXB Y học, 2019.
- Vật lý trị liệu phục hồi chức năng: sách chuyên khảo dành cho cán bộ ngành phục hồi chức năng.. - NXB Y học, 2010.
- Nguyễn Thị Thanh Bình, Lê Quang Khanh (2010), Vận động trị liệu, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: học tại Giảng đường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- Lâm sàng: học viên được chia làm các nhóm nhỏ đi học lâm sàng tại cơ sở sau:
Khoa Phục hồi chức năng - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
Khoa Thần kinh – Tâm bệnh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



THẦY THUỐC ƯU TÚ
PGS.TS. *Đinh Văn Chức*

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. *Đinh Dương Tùng Anh*

PHỤ LỤC 1

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	dvthuc@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đặng Văn Chức	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	dvchuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	vvquang@hpmu.edu.vn
4	BsCK II. Dương Văn Đoàn	Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
5	Ths Bs CKII Bùi Thị Bích Ngọc	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	bichngoc.rehab@gmail.com
6	BsCKII Lâm Thùy Mai	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Drmai1984@gmail.com
7	Ths Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Drthuy.rehab@gmail.com
8	Ths Đoàn Thị Thanh Hà	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Ngahp25011986@gmail.com
9	Ths Nguyễn Thị Thanh Nga	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	nttnga@hpmu.edu.vn
10	Ths Nguyễn Thị Huệ	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	huenguyen201291@gmail.com

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc F Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và 0,5 Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và 0,75 Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và 1,0 Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc F Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám 1,0 nhưng chưa hoàn thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường 1,5	Thực hiện thuần thực và 2,0 phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc F Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng 0,5 Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm 1,0
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc F không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác 1,0 Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng 1,5	Mức trên đạt và 2,0 Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc F Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng 1,0 Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt 1,5	Mức trên đạt và 2,0 Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc F Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung 1,0	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời) 1,5	Mức trên đạt và 2,0 Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI NHI

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Ngoại nhi	
Mã học phần: YHNK.507	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chưa có Bằng Thạc sĩ/Bằng Bác sĩ nội trú/Bằng bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Môn chung <input type="checkbox"/> Chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> Cơ sở và hỗ trợ <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại và phẫu thuật thực hành	
Email liên hệ: pvthuong@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0904289259	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	1	2	
Số tiết	105	15	90	
Số buổi	28	5	23	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

• Mô tả chung

Bệnh lý ngoại khoa ở trẻ em có những đặc điểm khác với bệnh lý ngoại khoa ở người lớn. Bệnh ngoại khoa ở trẻ em có thể là những dị tật bẩm sinh hoặc các bệnh mắc phải, việc chẩn đoán và điều trị các bệnh ngoại khoa của trẻ em cũng có những điểm riêng biệt. Các bệnh lý ngoại khoa ở trẻ em thường mang tính chất cấp tính, đòi hỏi phải được can thiệp kịp thời.

Trong quá trình học đại học, sinh viên mới chỉ được học một số bệnh lý ngoại khoa thường ở trẻ em nhưng lồng ruột, tắc ruột, viêm ruột thừa cấp... Trong quá trình học cao học, học viên sẽ được bổ xung thêm những kiến thức ngoại nhi chưa được học, được nâng cao về mặt lý thuyết và đặc biệt là thực hành lâm sàng những

kiến thức ngoại khoa đã được học.

• **Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Vận dụng kiến thức về giải phẫu và sinh lý, sinh lý bệnh để giải thích các triệu chứng lâm sàng của một vài bệnh ngoại khoa ở trẻ em thường gặp.	PLO1
CLO2	Vận dụng kiến thức về giải phẫu, sinh lý bệnh để giải thích các triệu chứng cận lâm sàng của một vài bệnh ngoại khoa ở trẻ em thường gặp.	
CLO3	Vận dụng kiến thức y học chứng cứ để giải thích sự phù hợp trong chẩn đoán các bệnh ngoại khoa trẻ em thường gặp.	
CLO4	Vận dụng kiến thức về y học chứng cứ để giải thích được sự phù hợp về phương pháp điều trị cho một bệnh ngoại khoa trẻ em thường gặp.	
CLO5	Chẩn đoán và đưa ra được hướng xử trí cho một số bệnh ngoại khoa ở trẻ em thường gặp.	
CLO6	Thực hiện được một số thủ thuật, phẫu thuật cơ bản trong điều trị một số bệnh ngoại khoa ở trẻ em thường gặp.	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá lý thuyết và lượng giá lâm sàng
Yêu cầu tiên quyết học viên phải đi học lý thuyết và thực hành đầy đủ, chấp hành mọi nội quy giảng đường, nội quy phòng sau đại học và nội quy của bộ môn

3.1. Lượng giá lý thuyết:

Lượng giá lý thuyết: Bài thu hoạch học phần *0,4+ MCQs *0,6

- Bài thu hoạch học phần

- Hình thức: Khi bắt đầu học phần học viên được lựa chọn ngẫu nhiên một chủ đề lý thuyết và chuẩn bị viết báo cáo dưới dạng báo cáo chuyên đề trong vòng 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint

- Thời gian: 2 tuần trước khi kết thúc học phần

- Trọng số điểm là: 0,4 tổng điểm lý thuyết

- Thi MCQs

- Hình thức : Thi MCQs 50 câu trong thời gian 60 phút liên quan đến các vấn đề phẫu thuật chuyên ngành ngoại nhi.

- + Thời gian: vào tuần cuối của học phần

- + Trọng số điểm là: 0,6 tổng điểm lý thuyết

Test Blue Print lý thuyết

Mục tiêu	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Tổng (số câu)
CLO 1 (25%)	0	4	8	12
CLO 2 (25%)	0	3	9	12
CLO 3 (25%)	0	4	9	13
CLO 4 (25%)	0	4	9	13
Tổng	0	15	35	50

3.2. Lượng giá kỹ năng: Biện luận lâm sàng *0,5+ Kiểm tra kỹ năng*0,5

a) Biện luận lâm sàng

- Học viên được tiến hành kiểm tra khả năng biện luận chẩn đoán và thực hiện kế hoạch điều trị cho bệnh nhân thực hoặc ca bệnh mẫu.

- Công cụ lượng giá: MINI-CEX (phụ lục)

- Trọng số điểm: 0,5 tổng điểm lâm sàng

b) Kiểm tra kỹ năng

- Học viên chỉ được thi kỹ năng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.

- Học viên được kiểm tra kỹ năng vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần bằng hình thức thực hiện phẫu thuật có giám sát hoặc phụ phẫu thuật khi thực hiện một số phẫu thuật ngoại nhi cơ bản: Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa viêm, phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn,....

- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng

- Trọng số điểm: 0,5 tổng điểm lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm có sự giám sát	Làm độc lập, không giám sát	Dạy người khác làm
CLO 5	-	x	-	-
CLO 6	-	x	-	-
Tổng		50%	50%	

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	LS				
1	Viêm ruột thừa trẻ em	3	18	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	CBL	TS Thương	02
2	Thoát vị bẹn	3	18	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	CBL	PGS Dương	02
3	Gãy xương ở trẻ em	3	18	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	CBL	Bs CKII Hùng	02

4	Lồng ruột nhũ nhi	3	18	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	CBL	PGS Duyệt	02
5	Megacolon	3	18	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	CBL	PGS Chiền	02
	Tổng	15	90				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

1. Bài giảng nhi khoa sau đại học T1. - H. : Y học, 2007. – 331tr. ; 27cm
 2. Bài giảng nhi khoa sau đại học T2. - H. : Y học, 2007. – 331tr. ; 27cm
 3. Hyperkinetic children a neuropsychsocial approach / Conners,C.Keith. - London : Sage, 1986. - 159p.; 19cm
 4. Pediatric traumatic brain injury / Snow,Jeffrey H.. - London : Sage, 1994. - 129p. ; 19cm
 5. Textbook of pediatric nutrition / Robert M.Suskind. - 2nd ed. - Americas : Raven, 1993. - 570p; 27 cm
 6. Pédiatrie / Laplane R. - 4e édition. - Paris : MASSON,/1986. - 632 p. ; 19 cm.
 7. The newborn infant-One brain for life. / Amiel-tison C.. - Inserm: 1994. France. - 307 p. ; 24 cm
6. **GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY** (*phụ lục*).
7. **CƠ SỞ VẬT CHẤT**
- Máy chiếu
 - Giảng đường
 - Các bệnh viện thực hành

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Phạm Văn Thích

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	PGS.TS.BS Phạm Văn Duyệt	Bộ môn Ngoại	pveduyet@hpmu.edu.vn
2.	TS.BS. Phạm Văn Thương	Bộ môn Ngoại	pvthuong@hpmu.edu.vn
3.	BSCCKII. Nguyễn Ngọc Hùng	Bộ môn Ngoại	nnhung@hpmu.edu.vn
4.	BSCCKII. Lê Thế Cường	Bộ môn Ngoại	ltcuong@hpmu.edu.vn
5.	GS.TS.BS Hà Văn Quyết	BV Việt Đức	hvquyet@hpmu.edu.vn
6.	PGS.TS.BS Triệu Triệu Dương	BVTWQĐ 108	pts92@gmail.com
7.	BSCCKII Đặng Quốc Hùng	BV trẻ em HP	dangquochungnct@gmail.com
8.	PGS.TS Bùi Văn Chiến	BV trẻ em HP	

2. Danh sách giảng viên tham gia trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	Ths. Phạm Quốc Hiệu	Bộ môn Ngoại	pqhieuc@hpmu.edu.vn
2.	Ths. Nguyễn Trung Thành	Bộ môn Ngoại	ntthanh@hpmu.edu.vn
3.	BSNT. Bùi Văn Dương	Bộ môn Ngoại	bvduong@hpmu.edu.vn
4.	BSNT. Trịnh Đình Thanh	Bộ môn Ngoại	tdthanh@hpmu.edu.vn
5.	BSNT. Hoàng Anh Công	Bộ môn Ngoại	hacong@hpmu.edu.vn

BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX)

Học viên:

Lớp:

Chẩn đoán:

Người đánh giá:

Ngày:/...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thập thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
		F	1,0	1,5	2,0
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa thuần thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
		F	1,0	1,5	2,0
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ở này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
		F	1,0		2,0
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
		F	1,0	1,5	2,0
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chi định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
		F	1,0	1,5	2,0
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi
		F	1,0	1,5	2,0

TỔNG ĐIỂM :
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

PHẦN B. CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH TIẾN SĨ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

HỒI SỨC CẤP CỨU NHI KHOA NÂNG CAO

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: HỒI SỨC CẤP CỨU NHI KHOA NÂNG CAO	
Mã học phần: YHSCC.565	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	0	1	
Số tiết	60	15	0	45	30
Số buổi	12	3	0	9	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Hồi sức cấp cứu nhi khoa nâng cao cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao và cập nhật về các bệnh lý Hồi sức cấp cứu ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh nhi mắc các bệnh lý nặng cần hồi sức cấp cứu. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu các kiến thức nâng cao, chuyên sâu về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý Hồi sức cấp cứu thường gặp trong Nhi khoa và áp dụng được kiến thức đó vào việc chăm sóc bệnh nhi.	PLO1
CLO2	Thiết kế, triển khai và viết báo cáo khoa học về lĩnh vực hồi sức cấp cứu ở trẻ em.	PLO2, PLO5, PLO9, PLO10
CLO3	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu trên lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý cần Hồi sức cấp cứu từ cơ bản đến nâng cao; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân.	PLO1, PLO2, PLO4
CLO4	Nhận biết và chẩn đoán, xử trí được bệnh nhi nghi ngờ mắc bệnh lý cần hồi sức cấp cứu với các biểu hiện lâm sàng đa dạng từ đơn giản đến phức tạp.	PLO1
CLO5	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên mắc các bệnh lý cần Hồi sức cấp cứu từ cơ bản đến nâng cao, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp ở trẻ.	PLO1, PLO6
CLO6	Tư vấn cho cha mẹ và trẻ về các bệnh lý Hồi sức cấp cứu từ cơ bản đến nâng cao, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và cách phòng bệnh.	PLO1, PLO7
CLO7	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý cần Hồi sức cấp cứu từ cơ bản đến nâng cao, trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO1, PLO4, PLO6, PLO8

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: Báo cáo chuyên đề và lượng giá lâm sàng

3.1. Yêu cầu tiên quyết:

- Học viên phải đi học lý thuyết và thực hành đầy đủ, chấp hành mọi nội quy giảng đường, bộ môn, phòng sau đại học.

- Học viên chỉ được lượng giá lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên có đủ điều kiện báo cáo chuyên đề là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm lượng giá lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.

3.2. Báo cáo chuyên đề:

- Hình thức: Khi bắt đầu học phần học viên được lựa chọn ngẫu nhiên một chủ đề lý thuyết và chuẩn bị viết báo cáo dưới dạng báo cáo chuyên đề trong vòng 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.
- **Bài thi kết thúc học phần** là bài thi báo cáo chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề gồm 02-03 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sỹ theo Bảng kiểm và hướng dẫn chấm thống nhất.
- Thời gian: Báo cáo chuyên đề vào tuần cuối cùng của học phần. Nghiên cứu sinh hoàn thiện việc viết chuyên đề theo quy định, gửi về Bộ môn trước buổi trình bày ít nhất 10 ngày.
- Trọng số điểm là: 50% tổng điểm kết thúc học phần.

3.3. Lượng giá lâm sàng:

- Học viên được tiến hành kiểm tra khả năng biện luận chẩn đoán và thực hiện kế hoạch điều trị trên bệnh nhân thực hoặc ca bệnh mẫu.
- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).
- Trọng số điểm: 50% tổng điểm kết thúc học phần
- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = **Lâm sàng** x 0.5 + **Báo cáo chuyên đề** x 0.5
- Điều kiện đạt : điểm TKHP \geq 5,5/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy - học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng* *
		LT	LS				
1	Sốc tim ở trẻ em - Nguyên nhân - Cơ chế bệnh sinh - Triệu chứng lâm	3	9	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

	<p>sàng, xét nghiệm</p> <p>Xử trí sốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những kỹ thuật mới trong xử trí sốc tim ở trẻ em 						
2	<p>Sử dụng thuốc vận mạch trong điều trị sốc ở trẻ em</p>	3	9	<p>CLO1</p> <p>-</p> <p>CLO7</p>	<p>Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL</p>	2	2
3	<p>Rối loạn nước – điện giải ở trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân - Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng - Xử trí 	3	9	<p>CLO1</p> <p>-</p> <p>CLO7</p>	<p>Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL</p>	2	2
4	<p>Lọc máu ngoài thận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định - Các phương pháp lọc máu ngoài thận - Sử dụng các thuốc phục vụ cho lọc máu - Tai biến 	3	9	<p>CLO1</p> <p>-</p> <p>CLO7</p>	<p>Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL</p>	2	2
5	<p>Phương pháp thở máy cao tần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ định - Các thông số trong thở máy cao tần - Tai biến 	3	9	<p>CLO1</p> <p>-</p> <p>CLO7</p>	<p>Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL</p>	2	2

	Tổng	15	45				
--	-------------	-----------	-----------	--	--	--	--

5. TÀI LIỆU DẠY - HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng chủ biên (2020): Giáo trình Nhi khoa sau đại học. NXB Y học. Hà Nội.
- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà: Thực hành cấp cứu nhi, NXB Y học 2013.

5.2. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Công Khanh: Tiếp cận chẩn đoán nhi khoa, nhà xuất bản Y học 2001.
- Bệnh viện Nhi trung ương: Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em, NXB Y học 2006.
- B. Saunder company: Nelson textbook of pediatric. 2015. (File PDF)
- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà, Nguyễn Thu Nhận, Hoàng Trọng Kim (2016): Phần V: Hồi sức cấp cứu, Sách giáo khoa Nhi khoa, tr.307-444. Nhà xuất bản Y học.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng (2020). Chương 2: Cấp cứu – Hồi sức, Giáo trình Nhi khoa Sau đại học, tr.83-136. Nhà xuất bản Y học.
- Phùng Nguyễn Thế Nguyên (2022). Chương 8: Hồi sức cấp cứu, Nhi khoa sau đại học tập IV, tr219-472. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục 1)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Khoa Hồi sức cấp cứu - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



THẦY THUỐC ƯU TÚ

PGS.TS. *Đinh Văn Chức*

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. *Đinh Dương Tùng Anh*

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	PGS. TS. Đinh Văn Thúc	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đặng Văn Chức	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
4	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
5	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com
6	BSCKII Vũ Hữu Quyền	Khoa Hồi sức cấp cứu - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Chu Thị Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. BSNT. Nguyễn Thị Thúy Hường	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. Nguyễn Việt Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. BSNT. Vũ Thị Yên	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
5	ThS. BSNT. Trần Thị Hải Yên	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
6	ThS. Phạm Thị Ngọc	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:

Lớp:

Chẩn đoán:

Người đánh giá:

Ngày:/...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thập thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và Thẻ hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa hoàn thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BỆNH LÝ MIỄN DỊCH Ở TRẺ EM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: BỆNH LÝ MIỄN DỊCH Ở TRẺ EM	
Mã học phần: YHMD-DT.566	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chi/ĐVHT	2	1	0	1	
Số tiết	60	15	0	45	30
Số buổi	12	3	0	9	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Bệnh lý miễn dịch ở trẻ em cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về bệnh lý miễn dịch ở trẻ em; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh nhân mắc bệnh lý miễn dịch ở trẻ em. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT (PLO)

(CLO)		
CLO1	Hiểu các kiến thức nâng cao, chuyên sâu về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý miễn dịch thường gặp trong Nhi khoa và áp dụng được kiến thức đó vào việc chăm sóc bệnh nhi.	PLO1
CLO2	Thiết kế, triển khai và viết báo cáo khoa học về lĩnh vực bệnh lý miễn dịch ở trẻ em.	PLO2, PLO5, PLO9, PLO10
CLO3	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu trên lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý miễn dịch; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân.	PLO1, PLO2, PLO4
CLO4	Nhận biết và chẩn đoán, xử trí được bệnh nhi nghi ngờ mắc bệnh lý miễn dịch với các biểu hiện lâm sàng đa dạng từ đơn giản đến phức tạp.	PLO1
CLO5	Quản lý, điều trị trẻ nhỏ và thanh thiếu niên mắc các bệnh lý miễn dịch, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài bệnh mạn tính thường gặp ở trẻ.	PLO1, PLO6
CLO6	Tư vấn cho cha mẹ và trẻ về các bệnh lý miễn dịch, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và cách phòng bệnh.	PLO1, PLO7
CLO7	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ em mắc bệnh lý miễn dịch trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO1, PLO4, PLO6, PLO8

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: Báo cáo chuyên đề và lượng giá lâm sàng

3.1. Yêu cầu tiên quyết:

- Học viên phải đi học lý thuyết và thực hành đầy đủ, chấp hành mọi nội quy giảng đường, bộ môn, phòng sau đại học.
- Học viên chỉ được lượng giá lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm sàng.
- Học viên có đủ điều kiện báo cáo chuyên đề là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm lượng giá lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.

3.2. Báo cáo chuyên đề:

- Hình thức: Khi bắt đầu học phần học viên được lựa chọn ngẫu nhiên một chủ đề lý thuyết và chuẩn bị viết báo cáo dưới dạng báo cáo chuyên đề trong vòng 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.

- **Bài thi kết thúc học phần** là bài thi báo cáo chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề gồm 02-03 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sỹ theo Bảng kiểm và hướng dẫn chấm thống nhất.

- Thời gian: Báo cáo chuyên đề vào tuần cuối cùng của học phần. Nghiên cứu sinh hoàn thiện việc viết chuyên đề theo quy định, gửi về Bộ môn trước buổi trình bày ít nhất 10 ngày.

- Trọng số điểm là: 50% tổng điểm kết thúc học phần.

3.3. Lượng giá lâm sàng:

- Học viên được tiến hành kiểm tra khả năng biện luận chẩn đoán và thực hiện kế hoạch điều trị trên bệnh nhân thực hoặc ca bệnh mẫu.

- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).

- Trọng số điểm: 50% tổng điểm kết thúc học phần

· Điểm tổng kết học phần (TKHP) = **Lâm sàng**0.5 + **Báo cáo chuyên đề**0.5

· Điều kiện đạt : điểm TKHP \geq 5,5/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy - học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng*
		LT	LS				
1	Miễn dịch và thiếu hụt miễn dịch bẩm sinh và mắc phải ở trẻ em	4	12	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
2	Tiếp cận chẩn đoán suy giảm miễn dịch tiên phát ở trẻ em	2	6	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

3	Lupus ban đỏ hệ thống ở trẻ em	3	9	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Thiếu máu tan máu tự miễn ở trẻ em	2	6	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
5	Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch ở trẻ em	2	6	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
6	Bệnh nhược cơ ở trẻ em	2	6	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
TỔNG		15	45				

5. TÀI LIỆU DẠY - HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

- Lê Thị Minh Hương (2020): Tiếp cận chẩn đoán suy giảm miễn dịch tiên phát ở trẻ em. Giáo trình Nhi khoa sau đại học. NXB Y học. Hà Nội, 2020. Trang 364 – 371.
- Nguyễn Ngọc Khánh (2020): Bệnh nhược cơ ở trẻ em. Giáo trình Nhi khoa sau đại học. NXB Y học. Hà Nội, 2020. Trang 233 – 236.
- Nguyễn Thị Thu Hương (2020): Thiếu máu tan máu. Giáo trình Nhi khoa sau đại học. NXB Y học. Hà Nội, 2020. Trang 384 – 402.
- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng chủ biên (2020): Giáo trình Nhi khoa sau đại học. NXB Y học. Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

- Phùng Nguyễn Thế Nguyên chủ biên (2022). Nhi khoa sau đại học. Nhà xuất bản đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Wado Nelson (2024): Nelson textbook of Pediatrics. Part XII: Immunology. Elsevier.

- Nguyễn Công Khanh, Lê Nam Trà: Thực hành cấp cứu nhi, NXB Y học 2013.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục 1)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Khoa Nội tổng hợp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS.BS. Nguyễn Ngọc Sáng

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
3	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn
5	BSCK II Trần Thị Ngọc Hòa	Khoa Nội tổng hợp - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	
6	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Chu Thị Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. BSNT. Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. BSNT. Phạm Thị Quỳnh Vân	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. BSNT. Trần Huy Duy	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
5	ThS. BSNT. Đoàn Thị Linh	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
6	ThS. Nguyễn Mai Phương	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và Thể hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa thuần thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

CHU SINH HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: CHU SINH HỌC	
Mã học phần: YH-CS.568	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	2	1	0	1	
Số tiết	60	15	0	45	30
Số buổi	12	3	0	9	0

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Chu sinh học cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, nâng cao và cập nhật về chu sinh học; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh nhi mắc bệnh lý và rối loạn ở thời kỳ chu sinh. Học viên có khả năng tự học dựa trên cơ sở dữ liệu y khoa và làm việc hợp tác với các bác sĩ thuộc chuyên ngành khác có liên quan.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CĐR học phần (CLO)	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT (PLO)
CLO1	Hiểu các kiến thức cơ bản và nâng cao về dịch tễ học, sinh lý bệnh, cơ chế bệnh học và tiền sử tự nhiên của bệnh lý và rối loạn thường gặp trong thời kỳ chu sinh và áp dụng được kiến thức đó vào việc chăm sóc bệnh nhi.	PLO1
CLO2	Thiết kế, triển khai và viết báo cáo khoa học về lĩnh vực chu sinh học ở trẻ em.	PLO2, PLO5, PLO9, PLO10
CLO3	Diễn dịch và áp dụng được các kết quả nghiên cứu trên lâm sàng để chăm sóc bệnh nhi có bệnh lý và rối loạn trong thời kỳ chu sinh; áp dụng y học dựa trên bằng chứng vào việc chăm sóc bệnh nhân.	PLO1, PLO2, PLO4
CLO4	Nhận biết và chẩn đoán, xử trí được bệnh nhi nghi ngờ mắc bệnh lý hoặc rối loạn trong thời kỳ chu sinh với các biểu hiện lâm sàng đa dạng từ đơn giản đến phức tạp.	PLO1
CLO5	Quản lý, điều trị trẻ sơ sinh mắc các bệnh lý hoặc rối loạn trong thời kỳ chu sinh, bao gồm các tình trạng cấp cứu, cấp tính cũng như quản lý lâu dài trẻ sơ sinh sau đó.	PLO1, PLO6
CLO6	Tư vấn cho cha mẹ và trẻ về các bệnh lý lĩnh vực chu sinh học, bao gồm nguyên nhân, cách điều trị, theo dõi diễn biến lâm sàng và cách phòng bệnh.	PLO1, PLO7
CLO7	Chủ trì và phối hợp chăm sóc trẻ sơ sinh mắc bệnh lý hoặc rối loạn thời kỳ chu sinh trong hệ thống y tế và cộng đồng	PLO1, PLO4, PLO6, PLO8

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: Báo cáo chuyên đề và lượng giá lâm sàng

3.1. Yêu cầu tiên quyết:

- Học viên phải đi học lý thuyết và thực hành đầy đủ, chấp hành mọi nội quy giảng đường, bộ môn, phòng sau đại học.
- Học viên chỉ được lượng giá lâm sàng khi tham gia đầy đủ các buổi học lâm

sàng.

- Học viên có đủ điều kiện báo cáo chuyên đề là phải tham dự > 85% số tiết học lý thuyết và đạt điểm lượng giá lâm sàng (điểm lượng giá kỹ năng) đạt 5,0 trở lên.

3.2. Báo cáo chuyên đề:

- Hình thức: Khi bắt đầu học phần học viên được lựa chọn ngẫu nhiên một chủ đề lý thuyết và chuẩn bị viết báo cáo dưới dạng báo cáo chuyên đề trong vòng 10 đến 20 trang, trình bày báo cáo bằng Powerpoint.

- **Bài thi kết thúc học phần** là bài thi báo cáo chuyên đề trước Hội đồng chấm chuyên đề gồm 02-03 cán bộ chấm thi có trình độ Tiến sỹ theo Bảng kiểm và hướng dẫn chấm thống nhất.

- Thời gian: Báo cáo chuyên đề vào tuần cuối cùng của học phần. Nghiên cứu sinh hoàn thiện việc viết chuyên đề theo quy định, gửi về Bộ môn trước buổi trình bày ít nhất 10 ngày.

- Trọng số điểm là: 50% tổng điểm kết thúc học phần.

3.3. Lượng giá lâm sàng:

- Học viên được tiến hành kiểm tra khả năng biện luận chẩn đoán và thực hiện kế hoạch điều trị trên bệnh nhân thực hoặc ca bệnh mẫu.

- Công cụ lượng giá: Bảng kiểm lượng giá kỹ năng (Mini-cex) (Phụ lục 2).

- Trọng số điểm: 50% tổng điểm kết thúc học phần

· Điểm tổng kết học phần (TKHP) = **Lâm sàng**0.5 + **Báo cáo chuyên đề**0.5

· Điều kiện đạt : điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy - học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng*
		LT	LS				
1	Những chấn thương khi đẻ	3	9	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2

2	Rối loạn cầm máu trong giai đoạn chu sinh	3	9	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
3	Bệnh nhiễm khuẩn trong giai đoạn chu sinh	3	9	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
4	Tăng áp lực động mạch phổi ở trẻ sơ sinh	3	9	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
5	Bệnh não do thiếu oxy và giảm tưới máu não	3	9	CLO1 - CLO7	Dựa trên ca bệnh, dựa trên bằng chứng TBL/ CBL	2	2
	TỔNG	15	45				

5. TÀI LIỆU DẠY - HỌC

5.1. Tài liệu học tập:

- Lê Thanh Hải, Nguyễn Ngọc Sáng chủ biên (2020): Giáo trình Nhi khoa sau đại học. NXB Y học. Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Công Khanh: Tiếp cận chẩn đoán nhi khoa, nhà xuất bản Y học 2001.
 - Bệnh viện Nhi trung ương: Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị bệnh trẻ em, nhà xuất bản Y học 2003.
 - Viện bảo vệ sức khỏe trẻ em: Cẩm nang điều trị nhi khoa, nhà xuất bản Y học 1991.
 - B. Saunder company: Nelson textbook of pediatric. 2015. (File PDF)
- 5.1. Tài liệu học tập:

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục 1)

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Khoa Sơ sinh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng
- Khoa Nhi, Bệnh viện Quốc tế Green Hải Phòng
- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS.BS. *Đặng Văn Chức*

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC 1

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đặng Văn Chức	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
4	BSCK II Lê Thị Minh Luyến	Khoa Sơ sinh - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	
5	BSCK II Dương Văn Đoàn	Khoa Tim mạch - Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	doanbsnhi@gmail.com

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS. Chu Thị Hà	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
2	ThS. Phạm Thị Ngọc	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
3	ThS. BSNT. Nguyễn Văn Trung	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
4	ThS. BSNT. Trần Đức Tâm	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
5	ThS. BSNT. Nguyễn Thị Thúy Hương	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
6	ThS. BSNT. Đoàn Thị Linh	Bộ môn Nhi	Trợ giảng
7	ThS. BSNT. Vũ Thị Yến	Bộ môn Nhi	Trợ giảng

PHỤ LỤC 2: BẢNG LƯỢNG GIÁ LÂM SÀNG (MINI-CEX) – NHI KHOA

Học viên:.....

Lớp:.....

Chẩn đoán:.....

Người đánh giá:.....

Ngày:...../...../.....

STT	Yêu cầu	Không đạt (F)	Mức đạt 50%	Mức trên đạt 75%	Hoàn thành 100% yêu cầu
1	Hỏi bệnh	Không thu thập thông tin quan trọng Hoặc Khai thác các thông tin không phục vụ mục đích lâm sàng. Hoặc Giao tiếp 1 chiều.	Thu thập được một số thông tin quan trọng Và Giao tiếp lấy bệnh nhân làm trung tâm.	Thu thập thông tin có định hướng, đầy đủ, chính xác và tập trung. Và Thái độ tôn trọng.	Mức đạt yêu cầu 75% Và Thẻ hiện được sự đồng cảm, thấu cảm với BN.
2	Khám lâm sàng	Thực hiện không chính xác Hoặc Thực hiện không đủ các bước	Thực hiện đủ các bước khám nhưng chưa thuần thực	Thực hiện thuần thực nhưng chưa phát hiện bất thường	Thực hiện thuần thực và phát hiện các triệu chứng bất thường
3	Đề xuất Hoặc phiên giải cận lâm sàng	Phiên giải kết quả sai Hoặc Không đề xuất cận lâm sàng quan trọng	Phân tích chính xác kết quả một số cận lâm sàng Hoặc đề xuất một số cận lâm sàng cần làm	Không chấm điểm ô này	Phân tích chính xác kết quả quan trọng hỗ trợ chẩn đoán Và Đề xuất cận lâm sàng cần làm
4	Báo cáo ca bệnh	Báo cáo ca bệnh chưa đầy đủ Hoặc không chính xác và thiếu trình tự logic	Báo cáo trình bệnh đầy đủ, chính xác Nhưng Không phân tích được yếu tố quan trọng	Mức đạt Báo cáo có logic. Và Phân biệt được yếu tố quan trọng	Mức trên đạt và Trình bày lưu loát, có chủ đích các thông tin
5	Biện luận chẩn đoán	Không đưa ra được chẩn đoán tiềm năng Hoặc Đưa ra chẩn đoán sai	Đưa ra được 1-2 chẩn đoán tiềm năng đúng Và Lý giải phù hợp	chẩn đoán có tiềm năng Và Các chẩn đoán phân biệt	Mức trên đạt và Chỉ định các xét nghiệm có giá trị cao để thu gọn chẩn đoán và lý giải phù hợp
6	Đề xuất hướng xử trí	Không đề xuất được hướng xử trí Hoặc Đề xuất hướng xử trí sai	Đề xuất được nguyên tắc điều trị chung	Mức đạt Và Ra y lệnh điều trị đúng (bao gồm cả các đáp ứng phù hợp kịp thời)	Mức trên đạt và Đề xuất Tiên lượng, điều trị cụ thể, theo dõi

TỔNG ĐIỂM :/10
NHẬN XÉT:

Người chấm thi

C. HỌC PHẦN CHUYÊN ĐỀ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ 1,2,3

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Chuyên đề tiến sĩ 1,2,3	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/chuyên đề	3	0	3	0	
Số tiết/chuyên đề	90	0	90	0	45
Số buổi/chuyên đề	18	0	18	0	0

Tổng số tín chỉ – số tiết của 3 chuyên đề: 9 tín chỉ – 270 tiết

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Chuyên đề tiến sĩ giúp học viên nâng cao năng lực nghiên cứu, năng lực tổng hợp, phân tích tài liệu trong và ngoài nước; cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ; giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với tổng khối

lượng 9 tín chỉ.

Các chuyên đề sẽ được xác định căn cứ vào yêu cầu cụ thể của từng luận án. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh sẽ giúp nghiên cứu sinh lựa chọn các chuyên đề phù hợp và thiết thực cho việc nghiên cứu đề tài của mình và được bộ môn/khoa/phòng sau đại học xem xét đồng ý. Thông thường bao gồm 1 chuyên đề cơ sở - cơ bản (các vấn đề có tính nghiên cứu cơ bản, nền tảng liên quan tới đề tài), 1 chuyên đề hỗ trợ (các vấn đề liên quan mật thiết, sẽ được đề cập và hỗ trợ cho đề tài nghiên cứu) và 1 chuyên đề lâm sàng, cận lâm sàng hay một vấn đề liên quan trực tiếp hoặc là một phần - một khía cạnh trong nghiên cứu chính của nghiên cứu sinh.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Áp dụng sáng tạo các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật về khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng, y học thực chứng để trình bày một số nội dung cập nhật, chuyên sâu, phức tạp trong lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành Nhi khoa.	PLO1, PLO2, PLO4
CLO2	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học một cách độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật để nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO9, PLO10

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kết quả đầu ra là một quyển báo cáo chuyên đề. Mỗi chuyên đề có độ dài tối thiểu 30 trang không kể tài liệu tham khảo (theo định dạng lề, chữ, v.v. đã được Bộ GD-ĐT quy định).

Nghiên cứu sinh phải bảo vệ chuyên đề tiến sĩ trước tiểu ban chấm chuyên đề do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Hội đồng đánh giá chuyên đề gồm 3 thành viên, trong đó một thành viên là người hướng dẫn chuyên đề, bao gồm những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín chuyên môn, am hiểu vấn đề nghiên cứu của chuyên đề.

NCS sẽ phải trình bày trước tiểu ban chấm chuyên đề những nội dung chính của chuyên đề.

- Điều kiện báo cáo chuyên đề: Học viên hoàn thiện việc viết chuyên đề theo quy định, gửi về Bộ môn và Phòng Sau đại học trước buổi trình bày ít nhất 10 ngày.

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = Điểm bài báo cáo chuyên đề

- Điều kiện đạt: điểm TKHP $\geq 5,5/10$ điểm.

- Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần.

4. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (Phụ lục)

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng báo cáo chuyên đề.

- Máy chiếu, tivi, mic.

6. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS.BS. Nguyễn Ngọc Lăng

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đặng Văn Chức	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
3	PGS.TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
5	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Tiểu luận tổng quan	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: bmnhi@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	0	3	0	
Số tiết	90	0	90	0	45
Số buổi	18	0	18	0	0

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Mỗi nghiên cứu sinh phải thực hiện một bài tiểu luận tổng quan; yêu cầu thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu; từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

Tổng quan tài liệu cần được sắp xếp theo các phần/mục hợp lý để giúp người đọc thấy được bối cảnh của vấn đề NCS định nghiên cứu xét trên bình diện quốc tế và trong nước: tác giả nào đó tiến hành làm gì, kết quả chính thu được là gì, có kết luận, khuyến nghị đặc biệt cần được áp dụng trong đề tài của NCS,

có những lý thuyết gì về vấn đề nghiên cứu đang quan tâm, những vấn đề về kỹ thuật/phương pháp luận cần lưu ý, v.v. Tổng quan tài liệu này cũng sẽ cho phép đánh giá tính hợp lý của đề tài nghiên cứu mà NCS đó chọn, sự phù hợp của các giả thuyết nghiên cứu cũng như những thiết kế/phương pháp nghiên cứu đặt ra. NCS sau đó sẽ phải thể hiện được đề tài của mình không trùng lặp với các đề tài trước đây, thể hiện được tính sáng tạo và khả năng tư duy/làm việc độc lập.

Tiểu luận tổng quan cần dựa trên những tài liệu/nghiên cứu đã công bố trong vòng ít nhất là 5 năm trở lại đây (hoặc có thể nêu cả những đề tài/lý thuyết hay công trình đã công bố lâu hơn như thế, nếu đó là những công bố quan trọng, mang tính định hướng lý thuyết hay phương pháp luận cho luận án).

Tiểu luận tổng quan được tiến hành trên cơ sở tự học và tự nghiên cứu một cách độc lập của nghiên cứu sinh dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn khoa học.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần (CLO)	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT (PLO)
CLO1	Áp dụng sáng tạo các kiến thức cốt lõi, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật về khoa học cơ bản, y học cơ sở, khoa học lâm sàng, y học thực chứng để trình bày một số nội dung cập nhật, chuyên sâu, phức tạp trong lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành Nhi khoa.	PLO1, PLO2, PLO4
CLO2	Thể hiện nhu cầu, năng lực tự học tập, nghiên cứu khoa học một cách độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, toàn diện và cập nhật để nâng cao trình độ, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.	PLO9, PLO10

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kết quả đầu ra là một quyển tiểu luận tổng quan có độ dài tối thiểu 40 trang không kể tài liệu tham khảo (theo định dạng lề, chữ, v.v. đã được Bộ GD-ĐT quy định).

NCS sẽ phải trình bày trước tiểu ban chấm tiểu luận những nội dung chính của Tiểu luận tổng quan trong một buổi sinh hoạt khoa học của khoa/bộ môn hay nhà trường.

Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan gồm 5 thành viên, trong đó một thành viên là người hướng dẫn tiểu luận tổng quan, là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ

khoa học hoặc chức danh PGS, GS, hiểu biết sâu về tiểu luận tổng quan của NCS. Hiệu trưởng – chủ tịch hội đồng Khoa học Đào tạo của Trường ĐH Y Hải Phòng (hoặc người được hiệu trưởng ủy nhiệm) sẽ ra quyết định thành lập Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan. Tiểu ban được thành lập trên cơ sở để đánh giá từng NCS chứ không tiến hành đánh giá chung nhiều NCS trong một phiên làm việc. Thành viên các tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan cần bao gồm ít nhất 1 nhà khoa học không thuộc Trường ĐH Y Hải Phòng.

- Điều kiện báo cáo tiểu luận tổng quan: Học viên hoàn thiện việc viết tiểu luận theo quy định, gửi về Bộ môn và Phòng Sau đại học trước buổi trình bày ít nhất 10 ngày.

- Điểm tổng kết học phần (TKHP) = Điểm bài báo cáo tiểu luận

- **Điều kiện đạt: điểm TKHP \geq 5,5/10 điểm.**

- **Học viên không đạt phải học lại toàn bộ học phần.**

4. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (Phụ lục)

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phòng báo cáo chuyên đề.

- Máy chiếu, tivi, mic.

6. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS.BS. Nguyễn Ngọc Sáng

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đặng Văn Chúc	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
3	PGS.TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
5	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn

D. LUẬN ÁN TIẾN SĨ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: LUẬN ÁN TIẾN SĨ	
Mã học phần:	
Đối tượng áp dụng: Nghiên cứu sinh chuyên ngành Nhi khoa	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Nhi - Trường ĐHYD Hải Phòng	
Email liên hệ: bmnh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 094.111.6179 (KTV. Nguyễn Đăng Đông – Thư ký BM Nhi)	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng
Tín chỉ	74	0	74	0

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Học phần chuyên ngành Tiến sĩ, Học phần chuyên đề tiến sĩ 1,2,3
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ CHUNG

Luận án tiến sĩ phải là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; là một công trình nghiên cứu khoa học độc đáo, sáng tạo trong lĩnh vực Nhi khoa, có đóng góp mới về mặt lý luận, chứa đựng những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải quyết sáng tạo các vấn đề đang đặt ra với chuyên ngành Nhi khoa hoặc thực tiễn xã hội. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

Luận án tiến sĩ có khối lượng 74 tín chỉ được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, không tấy xóa. Nội dung và hình thức luận án tuân theo đúng quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT. Luận án có khối lượng khoảng 120 – 150 trang A4 không kể tài liệu tham khảo và phụ lục, trong đó trên 50% là trình bày các kết quả nghiên cứu và biện luận riêng của nghiên cứu sinh.

Nội dung chủ yếu của luận án là các kết quả nghiên cứu của đề tài và phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong 2 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước đánh giá tính điểm công trình.

Luận án phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

- Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

- Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

- Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Việc tiến hành mời giảng viên hướng dẫn, tổ chức bảo vệ đề tài cấp cơ sở, thành lập hội đồng chấm luận án tiến sĩ, v.v. tuân theo các quy định hiện hành của Bộ GD-ĐT.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành chương trình học tập và đề cương nghiên cứu đã được hội đồng đánh giá đề cương thông qua.

Mỗi nghiên cứu sinh có không quá 02 thầy hướng dẫn có trình độ và kinh nghiệm có học vị từ Tiến sĩ trở lên (sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm). Trường hợp có hai thầy cùng hướng dẫn, cơ sở đào tạo quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) và người hướng dẫn thứ hai.

3.1. Đánh giá luận án cấp cơ sở (đơn vị chuyên môn)

- Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu về lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có 05 thành viên là cán bộ khoa học của đơn vị chuyên môn và của cơ sở đào tạo.

- Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên của Hội đồng đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

3.2. Đánh giá luận án cấp trường

Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện gồm 7 thành viên, bao

gồm những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín chuyên môn, am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án, có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng 03 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 4 người, thành viên tiến sĩ phải sau khi nhận bằng tròn ba năm, trong đó số thành viên thuộc cơ sở đào tạo không quá ba người.

Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các uỷ viên. Chủ tịch hội đồng là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không sinh hoạt cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

Người hướng dẫn nghiên cứu sinh, người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường hoặc viện.

Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên trong Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

4. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (Phụ lục)

5. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Các bệnh viện thực hành
- Phòng bảo vệ luận án.
- Máy chiếu, tivi, mic.

6. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS.BS. Nguyễn Ngọc Sáng

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Đinh Dương Tùng Anh

PHỤ LỤC

Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	GS. TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
2	PGS. TS. Đặng Văn Chúc	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
3	PGS. TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
3	PGS.TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
5	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn